

CỜ VÂY

圍棋

Nguyễn Duy Chính

Thông tin ebook

Tên sách: Cờ Vây

Tác giả: Nguyễn Duy Chính

Thể loại: Biên khảo

Nguồn: <http://vietkiem.com>

Chuyển sang ebook (TVE): santseiya

Ngày hoàn thành: 05/02/2010

Nơi hoàn thành: Việt Trì - Phú Thọ

<http://www.thuvien-ebook.com>

Mục Lục

LỊCH SỬ

VÌ KỲ PHÁT TRIỂN RA SAO?

TRIẾT LÝ VÀ GIAI THOẠI VỀ CỜ VÂY

CỜ VÂY VỚI KIM DUNG

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO



Chung Quĩ đánh cờ với tiểu mị
(tranh Phạm Tăng)

Có thể nói gần như người Việt chúng ta ai ai cũng biết ít nhiều về cờ tướng nhưng lại không mấy ai chơi cờ vây. Môn cờ tướng cũng là một sinh hoạt thường nhật của người mình nên văn chương thơ phú đề cập đến rất nhiều chẳng hạn như bài *Đánh Cờ* của Hồ Xuân Hương, một áng văn chương tuyệt tác, vừa linh động, vừa dí dỏm. Trong *Lều Chông*, Ngô Tất Tố miêu tả hai nhà nho đánh cờ để tiêu khiển mùa hè còn Nguyễn Tuân trong *Vang Bóng Một Thời* thì nhắc đến một thầy địa lý và một thanh niên vừa đi cáng vừa đánh cờ bằng miệng. Một truyện ngắn khác của Khải Hưng, *Tương Tri*, kể một ông lão vượt một quãng đường xa đến đánh cờ với một ông cụ khác, thoát đến thoát đi như một ông tiên. Thế nhưng trong tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung, mỗi khi nói đến chơi cờ - môn được liệt vào một trong bốn thú vui tao nhã cầm kỳ thư họa - thì môn cờ là nói về cờ vây chứ không phải cờ tướng.

Cờ vây tiếng Anh gọi là Go Game là một môn giải trí đã có rất lâu ở phương Đông mặc dù chỉ mới phổ thông ở phương Tây chừng một trăm năm nay, sau khi người Âu Châu có những tiếp cận với Á châu qua thương mại và chiếm lĩnh thuộc địa. Ngay từ lúc đầu cờ vây được đánh giá rất cao vì chú trọng đến phương pháp lý luận (rationalization).

Một kỳ thủ là ông Emanuel Lasker đã nói:

- Cờ vua chỉ hạn chế trong nhân loại sống trên quả đất trong khi cờ vây vượt khỏi thế giới này. Nếu trên một hành tinh nào mà có những sinh vật biết lý luận thì ở đó họ phải biết đánh cờ vây.^[1]

Người viết cũng như đa số độc giả kiếm hiệp không biết môn cờ vây như thế nào. Thiên khảo luận này cũng như nhiều bài khác cũng chỉ là những góp nhặt từ sách vở để thỏa mãn sự tò mò và giúp cho chúng ta có cái nhìn rõ rệt hơn về những chi tiết nơi tiểu thuyết.

LỊCH SỬ

Cờ vây tiếng Hán là “*vi kỳ*” (圍棋) vì chủ yếu của môn chơi này là làm sao bao vây và tiêu diệt bên địch. Cũng như bất cứ bộ môn nào, người ta luôn luôn tìm cho ra một tổ sư. Cho nên cờ vây cũng có một vị tổ mà theo Trương Hoa (張華) trong *Bác Vật Chí* (博物志) thì:

Vua Nghiêu chế ra cờ vây để dạy cho con là Đan Châu.^[2]

Thần tích này cũng được lập lại trong nhiều sách vở cận đại nhưng không có gì chắc chắn. Theo Edward Falkener thì ghi nhận sớm nhất về cờ vây vào khoảng 300 trước Tây Lịch, dựa trên khảo cứu của Giles, lãnh sự Anh tại Trung Hoa cuối thế kỷ 19. Giles cũng gọi cờ vây là cờ chiến tranh (a game of war), một cuộc chiến “*không dựa trên vũ khí trang bị cho hai đạo quân mà dựa trên cách bày binh bố trận, phòng ngự và tấn công*”. Hai bên không tiêu diệt nhau từng quân một mà có thể tiêu diệt cả một đoàn và người đánh cờ không chỉ tập trung vào một chỗ mà phải thấu triệt toàn bộ mặt trận, những điểm mạnh hay điểm yếu của chính mình và đối phương.^[3]

Vi kỳ ngày xưa gọi là “*dịch*” 弈 (viết với bộ cung). Trong những sách cổ của Trung Hoa như Tả Truyện, Luận Ngữ, Mạnh Tử đã nhắc nhiều đến “*dịch*” nhưng từ đời Hán trở đi thì cái tên vi kỳ càng ngày càng thông dụng. Hứa Thận trong *Thuyết Văn Giải Tụ* có chép:

Dịch tức là cờ vây.

弈, 圍棋也

Dịch, vi kỳ dã.

Dương Hùng (揚雄) trong *Phương Ngôn* viết rõ hơn:

Vi kỳ tức là dịch. Ở vùng Quan Đông, Tề, Lỗ người ta gọi là dịch.

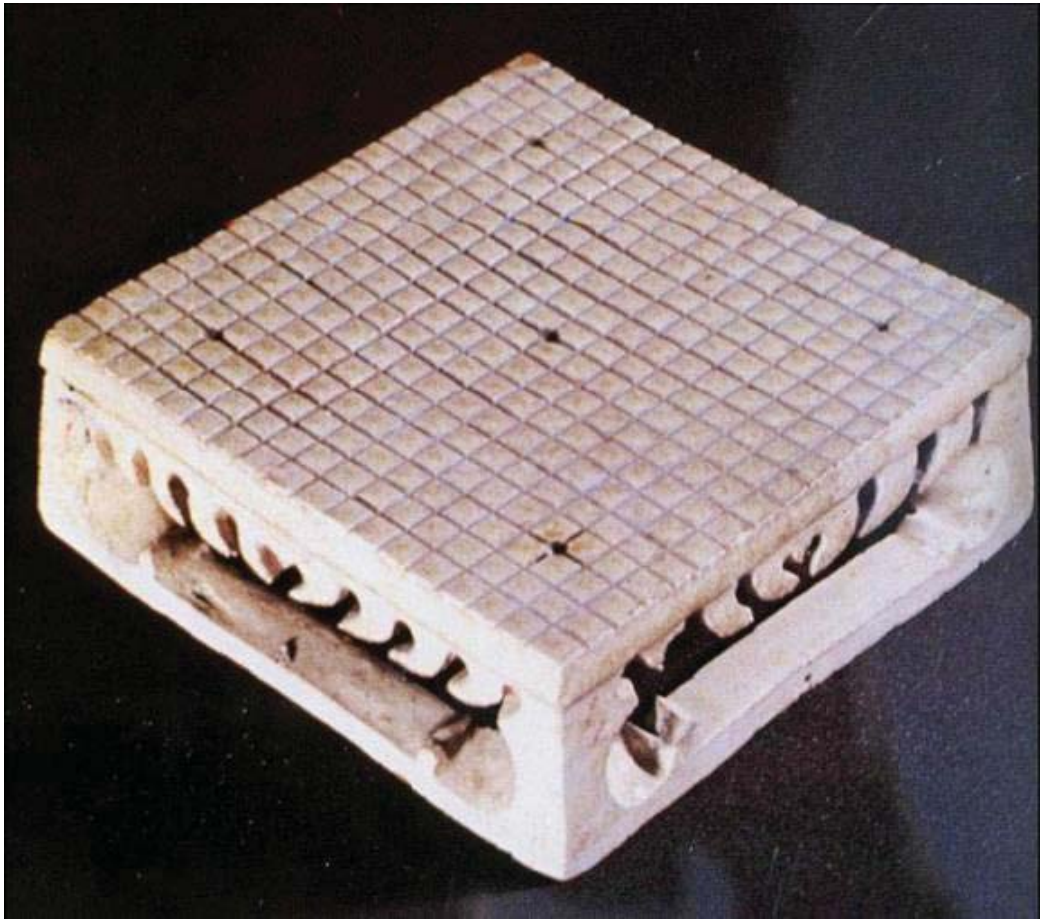
圍棋謂之弈。自關東齊魯之間皆謂之弈

Vi kỳ vị chi dịch. Tục Quan Đông Tề Lỗ chi gian giai vị chi dịch.

Ban Cố (班固) trong *Dịch Chỉ* (弈旨) cũng xác định là người phương Bắc gọi là dịch trong khi phương nam thì gọi là vi kỳ.

Theo như các nhà nghiên cứu, phương pháp và chiến lược đánh cờ

vây trước nay vẫn thế mặc dầu bàn cờ theo thời gian có thay đổi ít nhiều.



Bàn cờ bằng sứ đời Tùy

Đào được trong mộ của Trương Thỉnh tại Hà Nam năm 1959

Thiệu Văn Lương: *Trung Quốc cổ đại thể dục*

Sports in Ancient China tr. 172

Hiện nay bàn cờ gồm ngang dọc mười chín đường, tổng cộng $19 \times 19 = 361$ nước. Tuy nhiên theo những cổ vật đào được thì bàn cờ nguyên thủy không hẳn như thế. Năm 1977, ở Nội Mông trong một ngôi mộ cổ đời Liêu có một bàn cờ ngang dọc chỉ có 13 vạch ($13 \times 13 = 169$ nước). Năm 1971 bàn cờ đào được ở Hồ Nam, huyện Tương Âm trong một ngôi mộ đời Đường, bàn cờ có 15 vạch ($15 \times 15 = 225$ nước). Năm 1952, ở Vọng Đô, Hà Bắc trong một ngôi mộ đời Đông Hán có bàn cờ bằng đá có 17 đường ($17 \times 17 = 289$ nước) tương tự như bàn cờ trong hình vẽ của nước Thổ Phồn. Bàn cờ bằng sứ đời Tùy đào được năm 1959 trong mộ của Trương Thịnh tại An Dương, Hà Nam có 19 đường.^[4] Tuy những bàn đó khác nhau về kích thước nhưng tựu trung bao giờ cũng là số lẻ (13, 15, 17, 19).

Ngay từ nguyên thủy, phép đánh cờ chủ yếu là vây và diệt đối phương, lấy đó làm tiêu chuẩn thắng bại. Một bên đặt quân xuống, bên kia liền cố gắng làm cách nào cô lập và loại trừ, đối phương phải đưa ra một kế sách chống lại, và người đặt quân đầu tiên kia không khác gì đưa ra một mục tiêu để tấn công, mang ý nghĩa trung tâm của cuộc diện, được đặt tên là “kỳ nhạc”^[5] (棋鄂). Mã Dung (馬融) trong *Vĩ Kỳ Phú* (圍棋賦) có viết:

*Đánh cho một trận tan hoang,
Địch kia nguy ngập hoang mang hãi hùng.
Bao vây soái trưởng trùng trùng,
Y quan giáp trụ quăng cùng thoát thân.*

橫行陣亂
敵心駭惶
迫兼棋鄂
頗棄其裝

Hoành hành trận loạn
Địch tâm hãi hoàng
Bách kiêm kỳ nhạc
Phả khí kỳ trang^[6]

Bên khách sẽ nhắm vào quân cờ đỏ đưa ra chiến lược bao vây, tiêu diệt và bên chủ cũng dựa vào đó để kháng cự. Đời xưa, quân cờ đầu tiên phải đặt ngay chính giữa (giao điểm vạch số 10 trong bàn cờ 19 vạch), và đó là lý do tại sao bàn cờ phải là 13, 15, 17 hay 19 đường ngang dọc.

Nghệ Kinh (藝經) của Hàm Đan Thuần (邯鄲淳) đời Tào Ngụy có chép:

Bàn cờ mười bảy đường ngang dọc, tổng cộng 289 đạo, hai bên đen trắng mỗi bên 150 quân.

Sách vở, ca khúc nhiều nơi còn truyền lại cho thấy Nam Bắc triều trở về trước, bàn cờ chỉ có 17 đường. Hiện nay, Tây Tạng, Tích Kim nhiều nơi bàn cờ vẫn chỉ có mười bảy đường mà thôi.

Bàn cờ 19 đường phát hiện sớm nhất vào khoảng đời Tùy. Năm 1959, tại An Dương Hà Nam người ta đào được một bàn cờ bằng sứ có 19 vạch. Thế nhưng theo *Tôn Tử Toán*

Kinh (孫子算經) đời Đông Hán đã có viết là bàn cờ gồm 19 đường, thành thử rất có thể từ đời Hán người ta dùng cả hai loại bàn cờ 17 và 19 đường.

Theo những chuyên gia về cờ vây, bàn cờ 17 đường hơi nhỏ khó thi triển những nước hay và sự tính toán của các kỳ thủ bị giảm đi nhiều. Ngoài lý do thực tiễn, người ta cũng đưa ra nhiều lý luận, đem cả đạo học và số học vào để nâng nghệ thuật chơi cờ lên một mức cao hơn. Trương Nghi (張擬) đời Tống viết trong *Kỳ Kinh Thập Tam Thiên* (棋經十三篇) như sau:

Bàn cờ có 361 điểm. Số 1 là chủ của sinh số (tức số đầu tiên), theo trung tâm (kỳ nhạc) mà vận chuyển bốn phía. 360 là con số tượng cho chu thiên (ngày trong một năm), chia ra làm bốn số ngẫu tượng trưng cho bốn mùa (tứ quý). Mỗi ngẫu gồm 90 lộ, mỗi lộ tượng trưng cho một ngày, chung quanh vòng ngoài 72 lộ, tượng trưng cho hầu (tức 1/3 của tiết khí).

Lẽ dĩ nhiên đây chỉ là một cách “tán rộng” chúng ta vẫn thường thấy trong nhiều sách vở, kể cả một số người Việt chúng ta dựa theo sự tưởng tượng phong phú của mình để tìm một lối giải thích những

hiện tượng chung quanh cho thêm phần huyền bí.

Đời xưa, môn cờ vây của Trung Hoa còn một vị trí đặc biệt khác, trước khi hai bên giao đấu thì bàn cờ đã đặt sẵn bốn quân đối xứng nhau, hai đen hai trắng ở bốn góc (cách góc mỗi chiều ba nước) gọi là “*thế tử*” 勢子 (quân trấn giữ). Theo suy đoán, nguyên thủy vì kỳ nhằm bao vây và tiêu diệt lẫn nhau, lấy kỳ nhạc làm trung tâm rồi mở rộng ra, làm thế nào giết được quân chính giữa đó là thắng. Để ngừa việc một bên tập trung quân lại một chỗ theo kiểu “*các cứ nhất phương*”, người ta đặt bốn quân bốn góc và dần dần biến thành qui luật để bắt đầu bàn cờ.

Những người đánh cờ cao thường chấp người kém mình hai quân “*thế tử*” và lối đánh đó gọi là “*không hoa giác*”, trong kỳ phổ còn ghi lại nhiều bàn cờ như vậy. Bào Đỉnh (鮑鼎), một danh thủ đời Thanh mạt có viết:

Một cuộc cờ có thế tử để ngay từ đầu hai bên đều có thể vừa công vừa thủ. Cờ không có thế tử, người ta có thể chiếm cứ một vùng rồi cô thủ.

Một điểm khác chúng ta cũng nên nhắc đến là chữ kỳ 碁 (cờ) có thể viết với bộ thạch 石 (đá) vì người xưa nhặt những hòn sỏi làm quân cờ nhưng về sau quân cờ làm bằng gỗ, chính vì thế chuyển sang bộ mộc. Dương Hùng trong *Pháp Ngôn* viết:

Chặt gỗ làm cờ

斷木為棋

Đoạn mộc vi kỳ

Sách *Ngọc Lâu Tử* chép rằng vua Nghiêu dạy cho Đan Châu đánh cờ vây rằng:

Lấy gỗ dâu làm bàn cờ, lấy sừng tê, ngà voi làm quân cờ

以文桑為局犀象為子

Dĩ văn tang vi cục, tê tượng vi tử

Càng về sau khi người ta đưa đánh cờ lên một thú tiêu khiển tao nhã, bàn cờ quân cờ càng trở nên tinh vi, vẽ vờn nên không hiếm những bộ cờ quý làm bằng sừng, bằng ngà còn lưu lại trong các tàng cổ viện. Tê Kỳ đời Đường viết trong *Tạ Nhân Huệ Kỳ* (Cảm ơn người

cho bộ cò) là:

Mài vỏ trai biến thành quân sáng lấp lánh

海蚌琢成星落落

Hải bạng trác thành tinh lạc lạc

Địa Lý Chí trong Tân Đường Thư thì viết:

Ở quận Nhữ Nam, Sái Châu có tiến cống quân cờ bằng ngọc Mân.

蔡州汝南郡, 土貢岷玉棋子

Sái Châu Nhữ Nam quận, thổ cống mân ngọc kỳ tử

Trên một bức thiếp của Bạch Khổng Lục (白孔陸) có ghi:

Tại các nhà phú quý ở Quan Thành người ta dùng lõi gỗ tử đàn và thủy long não làm quân cờ.

Tổng Sử cũng có chép Tống Thái Tông ban cho Tiền Thục quân cờ bằng thủy tinh, còn Lý Đông Dương đời Minh thì có bài thơ nhan đề “Vân Nguyệt Dạ Quan Thủy Tinh Kỳ Hí Tác” 雲月夜觀水精棋戲作 (Đêm trăng có mây ngồi xem đánh cờ bằng quân thủy tinh mà làm ra). Mới đây người ta cũng đào được những quân cờ đời Nguyên làm bằng mã não. Trong Nam Trung Tạp Ký chép về quân cờ làm tại Vân Nam:

Quân cờ đất Diên Nam thì vùng Vĩnh Xương là hạng nhất... sắc trắng như trứng gà, còn đen thì như lông quạ.

Đời Minh, quân cờ từ Vân Nam dùng làm cống phẩm được khen là “nặng như ngọc”.

Thế còn bàn cờ thì sao?

Trong lịch sử những bàn cờ được ghi lại rất nhiều. Trong Nam Phương Thảo Mộc Trạng (南方草木狀) của Kê Hàm (嵇含) có viết:

Cây quang lang^[7] gỗ giống như tre, sắc đen thẫm, có vân, người ta thường xẻ ra làm mặt bàn cờ, vốn từ quận Cửu Chân đất Giao Chỉ.

桃榔木性如竹, 紫黑色, 有紋理。工人解之, 以製弈枰, 出九真, 交趾

Quang lang mộc tính như trúc, tử hắc sắc, hữu văn lý. Công nhân giải chi, dĩ chế dịch bình, xuất Cửu Chân, Giao Chỉ.

Như vậy người Tàu kể cũng cầu kỳ phải tìm đến tận nước ta ở

phương Nam để lấy gỗ làm bàn cờ. Tuy nhiên thông thường người ta dùng gỗ thu^[8] vì gỗ này cứng nhưng nhẹ, sớ khít khao “*khi quân cờ gõ xuống tiếng nghe như kim ngọc*”, nên về sau “*thu bình*”(楸枰) là một tên gọi khác của bàn cờ. Những bậc đế vương còn cầu kỳ hơn, không hiếm sách vở nhắc đến những bàn cờ, quân cờ bằng ngọc, bằng ngà, bằng sừng tê, sừng linh dương. Lại có cả bàn cờ dẹt bằng gấm:

*Gái đâu khéo thế thì thôi,
Bàn cờ dẹt được đều ời là đều.*

錦城巧女費心機
織就一枰如許齊
(織錦棋盤詩) (樓鑰)

Cầm thành xảo nữ phí tâm cơ
Chức tợ nhất bình như hứa tề
Chức cầm kỳ bàn thi
(Lâu Thước) Nam Tống

Trong nhiều tác phẩm dã sử, ngoại sử đời Minh Thanh người ta cũng nhắc đến những bộ cờ tìm thấy trong nhà hai quyền thần Nghiêm Tung (嚴嵩) và Hòa Khôn (和珅) khi hai người đã bị thất sủng. Những bộ cờ đó được đúc bằng vàng bạc, bích ngọc, bạch ngọc, thủy tinh...

Bàn cờ ngày nay thường làm bằng gỗ phi (榧), ngân hạnh, quế mộc. Người ta chọn gỗ làm sao để lúc đi quân không nghe tiếng sát phạt, đình tai và không có sức bật để chơi lâu không bị nhức xương. Bàn cờ cũng thường có chân và nhiều loại rất đắt tiền.^[9]

Qua thế ta đủ biết, người Trung Hoa trong nhiều triều đại đã hao phí không biết bao nhiêu công lao hơi sức chỉ để vào những trò giải trí. Chúng ta một mặt vẫn tấm tắc khen ngợi sự tinh xảo và dụng công của họ, một đặc trưng của văn minh Hoa Hạ, mặt khác vẫn nhìn thấy cái khuyết điểm to lớn khi cả một dân tộc chỉ chạy theo những kỹ xảo còn con để đến nỗi nhiều lần bị ngoại xâm, mất nước và biết bao thảm họa cho dân tộc.

VI KỲ PHÁT TRIỂN RA SAO?

Đời Hán:

Ngay từ đời Hán người ta đã nói nhiều đến môn cờ vây. Hán Cao Tổ Lưu Bang đã từng cùng Thích phu nhân uống rượu cúc đánh cờ. Ngoài ra trong sử sách cũng còn ghi đến hàng chục người khác được mệnh danh là hảo thủ, mặc dù cổ nhân cũng khuyến cáo là đánh cờ dễ đưa người ta vào đam mê, khinh suất trong lời ăn tiếng nói. Quá chút nữa, người ta lại còn coi việc đánh cờ như một hình thức bói toán, được là hên (may), thua là xui (rủi). *Tam Phụ Hoàng Đồ* (三輔黃圖) chép là trong cung nhà Hán khi đánh cờ đầu năm “*người thắng cả năm may mắn, người thua cả năm bệnh tật*”.^[10]

Đi sâu thêm nữa, cờ vây được giới nho sĩ xiển thuật và “*tán*” rộng. Ban Cố đề cả một thiên *Dịch Chỉ* (弈旨) để viết về phép đánh cờ:

Bàn cờ vuông vức tượng trưng cho đất. Đường vạch (đạo hay kỳ lộ) thẳng băng ý tôn sùng cái đức sáng của thiên hạ. Quân cờ chia làm đen trắng, phân ra âm dương. Quân bày ra tượng trưng cho tinh tú trên trời.^[11]

Ông cũng phân biệt “bác” 博 (đánh bạc) với “dịch” 弈 (đánh cờ) cho rằng đánh cờ bao hàm nhiều ý nghĩa, “*trên tuân theo luật vận hành của trời đất, rồi tới phương pháp trị nước của thánh nhân, sau đó phân chia quyền lực cho ngũ bá, thích hợp với đường lối trong thời chiến tranh*”.^[12]

Sau rốt, ông cũng cho rằng việc đánh cờ phù hợp với đường lối của thánh hiền, có tác dụng tu tâm dưỡng tính. Cũng thời này, nhiều văn nhân khác lại cũng đi sâu thêm vào việc ca tụng cái thú nhàn nhã này. Tuyên Đàm (檀譚) trong *Tân Luận* (馬融) coi việc đánh cờ như hành binh bố trận. Mã Dung (馬融) trong *Vĩ Kỳ Phú* (圍棋賦):

Xem đánh cờ thấy phép tắc chẳng khác gì dùng binh. Bàn cờ ba thước là chiến trường.^[13]

Đời Tam Quốc:

Kinh Tịch Chí (經籍志) đời Tùy, người ta xếp sách viết về vi kỳ vào *binh pháp loại*, chia ra ba bậc. Bậc trên khổng chế đại cuộc, không cần đánh mà khuất phục được đối phương. Bậc giữa hai bên tranh thủ từng bước còn bậc dưới chỉ cố thủ một góc cầu hòa.

Đời Tam Quốc (三國), Tào Tháo (曹操) cũng là một kỳ thủ nổi tiếng. Ngoài ra còn phải kể đến Sơn Tử Đạo (山子道), Quách Khải (郭凱), Vương Cửu Chân (王九真) rất nổi danh ngang tài với Tào Tháo. Gần đây, khi người ta đào được ở mộ của Tào Đằng 曹騰 (ông nội Tào Tháo) tại huyện Bạc, tỉnh An Huy một bộ cờ bằng đá thì người ta cho rằng họ Tào là một thế gia về môn cờ vây. Dưới trướng họ Tào cũng có nhiều danh sĩ để lại tác phẩm về cờ vây chẳng hạn Ứng Sướng (應暢) viết tác phẩm *Dịch Thế* (弈勢), Vương Xán (王粲) viết *Vĩ Kỳ Phú Tự* (圍棋賦序) và là người nổi tiếng có trí nhớ tốt, xem đánh cờ gấp ván hay có thể đi lại từ đầu chí cuối không sai một quân.

Trong Tam Quốc Diễn Nghĩa, khi viết về Khổng Minh Gia Cát Lượng (諸葛亮), La Quán Trung cũng tô vẽ ông là một người giỏi cờ vây khiến bốn chữ thần cơ diệu toán, vốn dĩ để chỉ việc tính toán nước đi đã biến thành một câu nói chỉ mưu lược. Còn ở Đông Ngô, hai kỳ thủ Nghiêm Vũ (嚴武) và Mã Tuy Minh (馬綏明) được mệnh danh là kỳ thánh và những thế cờ của họ được coi là một trong Ngô Trung Bát Tuyệt (吳中八絕). Kỳ Phổ cổ nhất mà sách vở còn ghi chép cũng từ Đông Ngô, gọi là Ngô Đồ (吳圖) đến đời Đường vẫn còn. Đỗ Mục (杜牧) trong *Trùng Tống tuyệt cú* (重送絕句) đã viết:

Gió tuyết qua đêm từ biệt bạn,

Một đèn mờ tỏ sắp cờ vây.

別後竹窗風雪夜

一燈明暗復吳圖

Biệt hậu trúc song phong tuyết dạ,

Nhất đăng minh ám phục Ngô Đồ.

Trong *Vong Ưu Thanh Lạc Tập* (忘憂清樂集) đời Tống còn có chép một ván cờ của Tôn Sách (anh trai Tôn Quyền) đánh với Lã Phạm có

tên là *Tôn Sách Chiêu Lã Phạm Dịch Kỳ Cục Diện* (孫策詔呂範弈棋局面). Vào thời kỳ này người ta cũng bắt đầu xếp hạng cao thủ cờ vây, chia thành 9 bậc, tương đương với cửu phẩm trong triều đình, cao nhất là *nhập thần*, kế đến là *toạ chiếu*, *cụ thể*, *thông u*, *dung tứ*, *tiểu xảo*, *đấu lực*, *nhược ngu*, *thủ chuyết*.^[14]

Đời Tấn:

Sang đời Tấn, Võ Đế Tư Mã Viêm (司馬炎) thích đánh cò khiến cho thời này trở thành một phong trào. Hai gia đình nổi tiếng là họ Vương và họ Tạ rất mê đánh cò mà đại biểu là Thượng Thư Vương Đạo (王導), một khai quốc công thần của nhà Tấn, thường đánh cò với con là Vương Duyệt (王悅). Em Vương Duyệt là Vương Diêm (王恬) cũng là một kỳ thủ nổi danh. Còn họ Tạ thì có Tạ An (謝安) nổi danh trong trận Phì Thủy, Tạ Huyền (謝玄) nổi tiếng là tao nhã, trấn tĩnh khi đánh cò cùng với những danh sĩ khác như Bùi Hà (裴遐), Nguyễn Tịch (阮籍), Vương Thản Chi (王坦之), Nguyễn Giản (阮簡), Viên Khương (袁晃) đều là những người yêu thích cò vậy.

Cũng vào thời kỳ này người ta còn truyền tụng nhiều giai thoại về những kỳ thủ, thái độ vừa khoáng đạt, vừa bình thản, dầu gặp lúc nguy nan vẫn không biến sắc, nước đi không loạn. Vương Úc (王昱) làm quan dưới triều Tống Minh Đế, nhân nhà vua có cùng tên (Lưu Úc - 劉昱) sợ họ Vương quá nổi tiếng khi bị bệnh nặng sắp chết muốn Vương Úc chết theo mình để khỏi hậu hoạn nên sai người đem thuốc độc đến ban cho Vương Úc. Vương Úc đang đánh cò, nhận được chiếu chỉ đọc xong, mặt không biến sắc, vẫn tiếp tục đánh nốt bàn cò dở dang. Khi xong ván cò, ông nhặt những quân cò xếp lại ngay ngắn trong hộp, sau đó mới nói cho đối phương biết mình phụng mệnh tự tận rồi cầm chén thuốc độc lên, xin lỗi khách nói rằng:

- Rượu này rất tiếc không thể mời ai uống được.



圖 宋刻本《忘憂清樂集》書影 Block-printed copy of Wang You Qing Le Ji (Manual for Forgetting Worries in Quiet Pleasure). Song Dynasty. Preserved in Beijing Library.

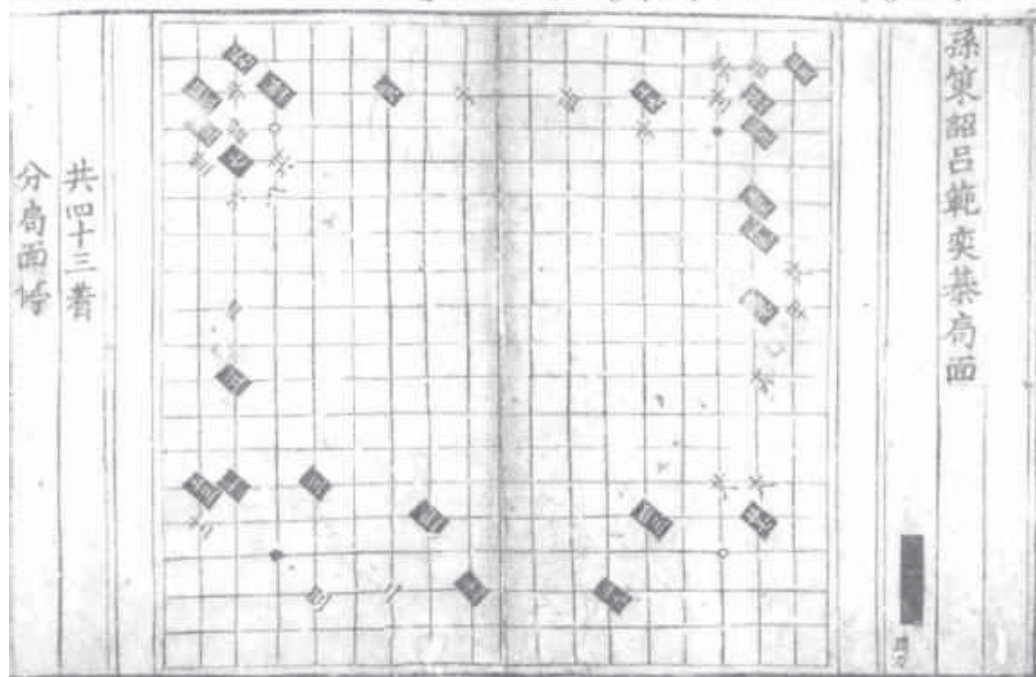


圖 同上，書影之二 Ditto.

Một trang trong Vong Ưu Thanh Lạc Tập
Sports in Ancient China tr. 177

Ông nói xong thản nhiên uống. Thái độ trăn trĩnh đó về sau vẫn được coi như một phong thái tiêu biểu cho người quân tử, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng và vì thế người ta xếp việc đánh cờ ngang hàng với cầm, thư, họa.

Người ta cũng ca tụng việc đánh cờ ở hai tư thái khác, ngồi ngay ngắn trước bàn cờ tượng trưng cho sự thẳng thắn, trong sáng (tọa ổn) còn tay cầm quân cờ, đi từng nước cho hay tâm sự, bản tính mình ra sao cũng không khác gì nói chuyện (thủ đàm).

Đời Tấn cũng còn một danh sĩ khác là Tổ Nạp (祖納), anh của Tổ Dịch (祖逖) người nổi tiếng vì mỗi sáng sớm khi gà vừa gáy là dậy tập múa kiếm (văn kê khởi vũ - 聞雞起舞) coi việc đánh cờ là để quên sầu (vong ưu) mà sau này vua Tống Huy Tông (宋徽宗) đã coi như một tâm niệm để viết thành câu thơ “vong ưu thanh lạc tại bình kỳ”^[15] (quên sầu, vui một cách thanh nhã là ở nơi bàn cờ).

Cho tới nay người ta vẫn coi *tọa ổn* (坐隱), *thủ đàm* (手談) và *vong ưu* (忘憂) là ba đặc tính phải có của người thích vi kỳ.

Nam Triều:

Nam Triều bao gồm một thời gian dài (170 năm) bao gồm nhiều triều đại Tống^[16] Tề Lương Trần nên cũng có nhiều người mê đánh cờ. Thời kỳ này đánh cờ được phân chia thứ bậc, có danh hiệu riêng. Ngay từ thời Tam Quốc, Hàm Đan Thuần (邯鄲淳) viết trong *Nghệ Kinh* chia kỳ nghệ thành chín loại:

Thứ nhất là *nhập thần* (入神), thứ nhì là *tọa chiếu* (坐照), thứ ba là *cụ thể* (具體), thứ tư là *thông u* (通幽), thứ năm là *dụng trí* (用智), thứ sáu là *tiểu xảo* (小巧), thứ bảy là *đấu lực* (鬥力), thứ tám là *nhược ngu* (若愚), thứ chín là *thủ chuyết* (守拙).

Chín thứ bậc này mô phỏng theo lối tuyển người làm quan (cử phẩm trung chính chế) nhưng không nêu rõ nội dung và tiêu chuẩn nên không biết rõ thế nào chỉ đoán chừng theo tên gọi là người nào đánh cờ tiêu sái, phóng khoáng là bậc cao còn chăm chăm ăn quân, giữ thành là bậc thấp.

Về sau người ta lại đặt thêm những tên gọi riêng cho từng loại trong cùng một bậc chẳng hạn như cao phẩm, danh phẩm, thượng phẩm, dật phẩm... trong kỳ phổ còn ghi tên một số nhân vật thượng đẳng như Vương Diêm (王恬), Vương Úc (王戎) đời Đông Tấn đã được nhắc tới ở trên.

Những quốc thủ đời Tống, Tề đến nay còn ghi lại phải kể đến Vương Kháng (王抗), Hạ Xích Tùng (夏赤松) và Chử Tư Trang (褚思莊). Vương, Hạ, Chử ba người có ba phép đánh riêng, mỗi người có một sở trường, Vương Kháng chuyên về thủ, còn Hạ Xích Tùng lại giỏi về tấn công^[17]. Hai người này suy nghĩ nhanh, đi cờ nhậm lệ, riêng Chử Tư Trang lại đi rất chậm, mỗi lần cầm quân lên suy nghĩ mãi mới đặt xuống, đánh cờ lắm khi kéo dài suốt đêm mới xong một bàn. Người ta kể rằng một lần Vương Kháng đánh cờ với Chử Tư Trang từ trưa đến tối, sang canh năm mới phân hơn thua. Vương Kháng ngồi chờ Chử đi quân, ngủ gật bên cạnh bàn cờ, còn Chử vẫn ngồi suy nghĩ mãi.

Đời Bắc Ngụy, quốc thủ phương bắc là Phạm Ninh Nhi (范寧兒) từng đi sứ nước Tề ở Giang Nam, Tề Võ đế sai Vương Kháng ra đối trận nhưng Vương Kháng bị thua.

Đời Đường:

Đời Đường là giai đoạn mà văn hoá Trung Hoa lên đến cao điểm, việc đánh cờ cũng được đề cao. Người ta vẫn cho rằng đánh cờ là phản ánh trình độ trí tuệ, là một môn nghệ thuật thanh nhã. Chính từ đời Đường mà người ta đặt cầm kỳ thi họa chung với nhau. Chúng ta ai cũng biết thơ Đường là loại thơ với niêm luật chặt chẽ, cũng thường được ngâm vịnh khi đánh cờ và môn cờ vậy đến giai đoạn này đã tiến lên thêm một mức.

Theo điều lệ của Hàn Lâm Viện (翰林院) ghi trong *Chức Quan Chí, Cựu Đường Thư* (職官志-舊唐書) có ghi:

Trong cung Đại Minh, cung Hưng Khánh, cung Tây Nội, cung Hoa Thanh đều có khu vực dành cho đãi chiếu. Đãi chiếu gồm có từ học, kinh thuật, hợp luyện, tăng đạo, bốc chúc, thuật nghệ, thư dịch, (mỗi ngày) các viện tập họp đến tối mới tan.

Đãi chiếu (待詔) là chức vụ bên cạnh hoàng đế như một loại cố vấn về những vấn đề chuyên môn, trong đó có cả cố vấn về đánh cờ (thư dịch). Kỳ đãi chiếu nổi tiếng nhất đời Đường là Vương Tích Tân (王積薪), cố vấn của vua Huyền Tông, tức Đường Minh Hoàng.

Theo truyền thuyết, sở dĩ Vương Tích Tân kỳ lý giỏi như thế là vì có một con rồng xanh từ thượng giới bay xuống nhà từ trong miệng ra chín quyển kỳ kinh (棋經) ban cho. Thực ra, họ Vương là người rất chuyên tâm nghiên cứu cách thức đánh cờ. Mỗi khi đi đâu, ông đem theo một túi quân cờ và một bàn cờ giấy bỏ trong ống tre, treo vào cổ ngựa, gặp bằng hữu liền mở ra đánh, đến cả dân chúng nếu muốn ông cũng chiếu. Thành ra đi đến đâu ông cũng được người ta đãi đằng cơm rượu và lâu dần trở thành danh thủ số một của đời Đường. Ông cũng thường đấu với các danh thủ các nơi và chín ván cờ ông cùng Phùng Uông (馮汪) đấu nơi phủ đệ của Trần Cửu Ngôn (陳九言) được ghi lại thành kỳ phổ tên là *Kim Cốc Cửu Cuộc* (金谷九局), truyền đến đời Tống thì không còn nữa. Kỳ thế này rất là phức tạp, nhìn vào hoa cả mắt.

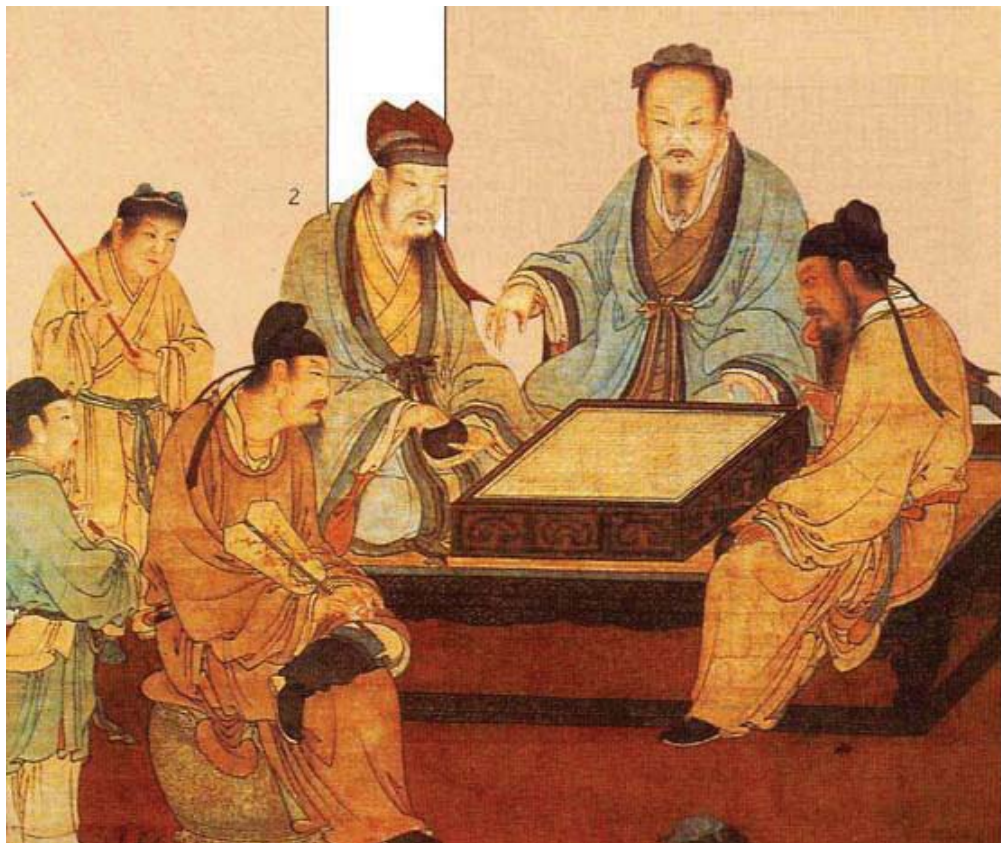
Ở đời Đường, người nổi tiếng chỉ kém Vương Tích Tân là Cố Sư

Ngôn (顧師言). Trong *Đỗ Dương tạp biên* (杜陽雜編) của Tô Ngạc (蘇鶚) có chép câu chuyện *Trấn Thần Đầu* (鎮神頭) về việc Vương tử nước Nhật đến Trung Nguyên được vua Tuyên Tông sai Cố Sư Ngôn đấu cò. Vương tử này là quán quân về cò vây của Nhật Bản, Cố Sư Ngôn đấu với y hết sức gay go, toát cả mồ hôi tay. Đến nước thứ ba mươi ba, Cố Sư Ngôn đi nước Trấn Thần Đầu giải được thế cò của vương tử nước Nhật khiến y phải chịu thua. Việc Cố Sư Ngôn đấu cò với khách còn được ghi lại trong sử sách nhưng thế cò *Trấn Thần Đầu Nhất Tử Giải Song Chinh* mà người ta truyền lại đến ngày nay e rằng chỉ là một thế cò được sắp đặt vì không hợp với kỳ pháp.

Ngoài Vương Tích Tân và Cố Sư Ngôn, đời Đường cũng còn nhiều danh thủ khác nổi tiếng như Phác La (朴羅), Hoạt Năng (滑能), Vương Thúc Văn (王叔文)...

Đời Tống:

Đời Tống có Lưu Trọng Phủ (劉仲甫) là kỳ thủ nổi tiếng được người tiến cử vào chức kỳ đài chiếu. Trước khi nhập kinh, ông đến Hàng Châu, khi đó là một nơi phồn hoa đô hội, cao thủ rất đông, ngày ngày ra ngoài xem người ta đánh cờ suốt mười ngày rồi mới trưng bày nơi khách điểm “Kỳ Khách đất Giang Nam là Lưu Trọng Phủ chấp các kỳ thủ đi trước”^[18], rồi đem tiền ra đánh cược.



*Vua Đường Thái Tông đánh cờ
Tranh đời Tống
Sử Lương Chiêu: Bắc Dịch Du Hí Nhân Sinh tr. 112*

Bảng trương lên, cao thủ trong thành lập tức ùn ùn kéo đến xin đánh. Đến nước thứ năm mươi, quân bên Lưu Trọng Phủ trở nên kém thế, đến nước thứ một trăm thì họ Lưu lại càng sa sút, người chung quanh ai nấy cười ông không biết lượng sức mình, to mồm khoác lác.

Đột nhiên Lưu Trọng Phủ tăng hắng một tiếng, vợ quân cò trên bàn bỏ cả vào hộp. Người đứng xem ai nấy đều cho rằng ông chịu thua, la ó không cho ông tính nước chạy làng. Lưu Trọng Phủ khi ấy mới từ tốn nói:

- Tôi đến Hàng Châu xem đánh cò đã mấy ngày, tài nghệ các vị danh thủ đến mức nào cũng đã thấy. Chẳng hạn như ngày đó ông đó đánh ván cò đó, đáng lý ra bên trắng thắng to, thế nhưng vì đi nước này nước này thành ra hỏng. Còn hôm này ván cò này, bên đen thế đang tốt, đi nhầm một quân “kiếp” (劫) thành ra lại thua.

Ông vừa nói vừa bày quân liên tiếp đến mười mấy bàn, người xem ai nấy đều kinh ngạc. Lưu Trọng Phủ nói tiếp:

- Cứ lấy bàn cò vừa mới đây mà nói, quý ông chắc hẳn nghĩ rằng tôi thua đến nơi, thế nhưng tôi chỉ đi một quân nữa thì sẽ thắng mười mươi, xin các vị cao thủ nghĩ lại xem có đúng không?

Mọi người hết sức suy tính nhưng không ai tìm ra đáp án, đành phải xin Lưu Trọng Phủ giải quyết. Lưu Trọng Phủ bày lại ván cò y như trước, sau đó đặt xuống một quân ở một chỗ không liên quan gì đến thế cò rồi nói:

- Quân này sau hai mươi nước nữa mới có tác dụng.

Quả nhiên thêm hơn hai mươi nước cò, tình hình đúng như lời Lưu Trọng Phủ. Đến khi buổi cò kết thúc, Lưu Trọng Phủ thắng cả mười ba bàn khiến nhân sĩ đất Hàng Châu ai nấy đều ra sức hậu đãi, cố giữ ông lại thêm mười ngày nữa.

Sau đó Lưu Trọng Phủ lên Biện Lương làm đái chiếu trong Hàn Lâm Viện và là danh thủ vô địch trong suốt hai mươi năm liền. Câu chuyện này cho ta thấy phong khí đánh cò thời Tống khá thịnh, các nơi thị tứ đều có những cuộc tranh tài và triều Tống đi theo đường lối của đời Đường đặt chức đái chiếu trong cung.

Người ta cũng nhận định rằng sang đời Tống, các kỳ thủ không còn chú trọng đến phong độ vong ưu, toạ ổn, thủ đàm nữa mà đi sâu vào các thế cờ hóc hiểm người sau gọi là “kỳ công” (棋工). Ngoài thành thị, các đạo quan, chùa chiền cũng là nơi hay bày ra các cuộc cờ (hội cờ). Không biết ngẫu nhiên hay cố ý, Kim Dung viết *Thiên Long Bát Bộ* đã cho nhiều ván cờ hóc hiểm được bày ra nơi đạo quan và miêu tả về những ván cờ gay go giữa các nhà sư và đạo sĩ.

Những thế cờ từ đời Tống còn truyền lại khá nhiều và phương pháp suy luận cũng ngày một phát triển. Trong *Dịch Kỳ Tự* (弈棋序) của Tống Bạch (宋白) đời Bắc Tống có viết:

Đánh cờ có mấy điều: phẩm, thế, hành, cục. Phẩm là hơn kém, thế là mạnh yếu, hành là kỳ chính, cục là được thua.

Đạo của phẩm, giản dị mà hiệu quả là bậc thượng, phải đánh mới thắng là bậc trung, nguy cơ mới được là bậc hạ.

Đạo của thế, rộng rãi thông dong là bậc thượng, trận địa nghiêm ngặt là bậc trung, sát sao gay go là bậc hạ.

Đạo của hành, an nhiên phản ứng là bậc thượng, nhanh chóng ứng phó là bậc trung, nóng nảy đi quân là bậc hạ.

Đạo của cục, thư thái mà thắng là bậc thượng, biến hoá mà thắng là bậc trung, sát phạt mà thắng là bậc hạ.

Trần Nguyên Tịnh (陳元靚) trong sách *Sự Lâm Quảng Ký* (事林廣記) có chép *Thập Quyết* (十訣) là kinh nghiệm về việc đánh cờ vậy:

- Một là không ham thắng
- Hai là đánh phải thư thả
- Ba là công định nhưng không quên củng cố bên mình
- Bốn là chịu mất quân để tranh tiên
- Năm là thả cái nhỏ để được cái lớn
- Sáu là thấy nguy thì bỏ
- Bảy là cẩn thận không hối hả
- Tám là ra quân cần tương ứng
- Chín là nếu địch mạnh thì phải tự bảo vệ mình
- Mười là thế yếu thì cố thủ hoà

Mười điều trên đây được người sau coi là yếu chỉ để áp dụng trong

việc đánh cờ vây nhưng dường như có thể áp dụng trong bất cứ môn chơi nào và là những bài học nhân sinh đầy từng trải. Lưu Trọng Phủ cũng để lại *Kỳ Quyết* trong đó ghi lại chiến lược, chiến thuật của phép đánh cờ gồm bốn phương diện:

- Một là bố trí thì cần chặt chẽ, thích đáng cốt sao quân nọ liên quân kia, ràng buộc hỗ trợ lẫn nhau (hồ ứng) nhưng cũng đừng gàn quá để thành một thế cờ phức tạp, ấy chính là *“xa mà không thừa, thừa ắt dễ đứt; gàn nhưng không co cụm, co cụm ắt sẽ yếu”*. [19]

- Hai là tấn công, khi vừa ổn định thế cờ là phải lập tức tìm cơ hội tấn công vào trận địa của đối phương để bên mình không bị đối thủ uy hiếp. Nguyên tắc ấy gọi là *“làm sao ứng viện tiếp liền nhau, tấn công liên tiếp”*, sao cho *“bên địch không thể không co rút, không thể không suy yếu”*. [20]

- Ba là dụng chiến, nơi nào không ảnh hưởng đến bên mình, không làm hại cho toàn cục thì hãy đi. Cho nên khéo thủ thì bên mình có thực lực; còn như tạo được thế hoàn toàn thì mình nhàn nhã và tác chiến là làm sao *“dĩ thực kích hư, dĩ dật đãi lao”*. [21]

- Bốn là thu xả, đó là chỗ mà Lưu Trọng Phủ gọi là *“đại kế của phép đánh cờ”*. Phàm bên trong mà đầy đủ thì ắt dự tính được chước lạ, bên ngoài mà đầy đủ thì hình thế được phong long, dẫu có ít cũng có thể thu về để tự bảo. Ấy chính là chỗ mà hậu thế nói là *“lao dật du quan thiếu diệc đồ, tinh hoa dĩ kiệt đa kham khí”* (勞逸攸關少亦圖, 精華已竭多堪棄).

Đời Tống cũng còn lưu hành một bộ sử về cờ vây của Trung Hoa do Trương Nghi (張擬) soạn nhan đề *“Kỳ Kinh Thập Tam Thiên”* (棋經十三篇) và một bộ *Kỳ Phổ* do kỳ đài chiếu Lý Dật Dân (李逸民) biên soạn lại *“Vong Ưu Thanh Lạc Tập”* (忘憂清樂集) mà thành.

Sách này không những sưu tập lại các cổ phổ và các ván cờ nổi tiếng cùng thời, định lại cách thức mà còn bao gồm luôn cả *Kỳ Kinh Thập Tam Thiên* của Trương Nghi, *Kỳ Quyết* của Lưu Trọng Phủ, *Luận Kỳ Quyết Yếu Tạp Thuyết* của Trương Tịnh.

Đời Nguyên Minh:

Khi khảo sát về tình hình trong cung nhà Nguyên, mặc dù việc đánh cờ vẫn còn phổ biến nhưng triều đình không còn chức kỳ đài chiếu nữa. Tuy nhiên thời này phong khí nho gia vẫn thịnh và nhiều người chuyển sang các thú tiêu khiển để quên đi cái nhục mất nước. Đến cuối đời Nguyên, loạn lạc liên miên và phải mấy chục năm sau khi Minh triều thành lập thì triều đình mới cho triệu các quốc thủ vào cung để giúp vui cho hoàng gia.

Một cách tổng quát, hai triều Nguyên Minh cờ vây là sinh hoạt dân gian và là môn giải trí của quần chúng. Chu Mạn Sĩ (周漫士) đời Minh trong *Kim Lăng toả sự* (金陵瑣事) có viết:

Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương xây Tiêu Dao Lâu ở Nam Kinh, khách toàn là bọn bình dân đến chơi cờ đánh bạc, trông vào chẳng thấy chút gì tiêu dao, chỉ toàn bọn ốm đói.

Kỳ thủ trứ danh nhất đầu đời Minh là Tương Lễ (相禮) và Lâu Đắc Đạt (樓得達). Tương Lễ cũng tinh thông thi họa, nổi tiếng là “*thiên hạ kỳ sư*”, Vương Phùng có bài thơ *Tuý Tặng Tương Tử Tiên* (Tử Tiên là ngoại hiệu của Tương Lễ) trong đó ca tụng tài đánh cờ của họ Tương. Tuy nhiên khi ở Nam Kinh, họ Tương lại bị một người ở Ninh Ba là Lâu Đắc Đạt đánh bại, về đến Hoa Đình lại bị một nhà sư khất thực (du tăng) hạ luôn mấy ván khiến cho không còn dám khoe danh hiệu “*thầy cờ*” nữa.

Từ khi có Lâu Đắc Đạt, phong khí đánh cờ lại nổi lên. Sang đời Chính Đức (1506-1521) cao thủ đánh cờ có Phạm Hồng (范洪), sang đời Long Khánh (1567-1573), Vạn Lịch (1573-1620) thì dần dần hình thành ba kỳ phái:

1. Phái Vĩnh Gia (永嘉), đứng đầu là Bào Nhất Trung^[22] (鮑一中), người được Tể Phụ Dương là bạn của Phạm Hồng ca ngợi, kết làm bạn vong niên và Vương Thế Trinh nhắc đến trong *Dịch Chỉ* (弈旨) là đánh cờ biến hoá như Hàn Tín cầm quân, vừa linh hoạt, vừa mãnh liệt.

Ngô Thừa Ân (吳承恩), tác giả bộ truyện nổi danh *Tây Du Ký* trong “*Vĩ Kỳ Ca Tạng Bào Ảnh Viễn*” có hai câu:

... Hốt thời hạ tử xảo thành công,
Nhất tiếu tề thanh hải trào hồng.

忽時下子巧成功，
一笑齊聲海嘲哄。

*Cất tay đặt quân khôn khéo lạ,
Tiếng cười rộ lên như biển gào.*

Ngoài họ Bào, phái Vĩnh Gia còn những cao thủ như Lý Xung, Chu Nguyên, Từ Hi Thánh...

2. Phái thứ hai là phái Tân An (新安) mà đại biểu là Trình Nhữ Lượng (程汝亮), thành viên có Uông Thử (汪曙), Phương Tử Khiêm (方子謙)...

3. Phái thứ ba là phái ở ngay kinh sư có Nhan Luân (顏倫), Lý Phủ (李釜).

Người đương thời bảo là dẫu Gia Cát tái sinh cũng không phá được Trình Nhữ Lượng mà Tôn Ngô kẹp hai bên cũng khó thắng được Nhan Luân. Lý Phủ thì có “*áp noãn chi uy*” của Võ An Quân cùng với Bào Nhất Trung là hai người số một đời Minh.

Uông Thử so với Bào Nhất Trung hơi kém hơn một chút nhưng đời sau cho rằng Phương Tử Khiêm còn hơn cả hai người. Tương truyền họ Phương được một kỳ nhân dạy cho 48 cách thức biến hoá nên trở thành một cao thủ nhưng chính Phương Tử Khiêm đã cải chính rằng ông từ nhỏ đã mê cờ và những gì ông biết được là do chính mình nghiên cứu.

Các môn phái đời Minh cho thấy việc đánh cờ vào thời này trở thành đa dạng trong đó kỳ thủ trứ danh là Lâm Phù Khanh (林符卿), Quá Bách Linh (過百齡), Chu Lại Dư (周懶予) nổi tiếng cho tới tận Thanh sơ. Trong *Ngũ Sơ Tân Chí* (虞初新志) có một thiên “*Quá Bách Linh truyện*” chép rằng năm Quá Bách Linh 11 tuổi, đại học sĩ Diệp Hướng Cao đi qua Vô Tích, muốn đánh cờ, người trong hạt đưa họ Quá ra. Diệp Hướng Cao là danh thủ ở kinh sư, nào ngờ thua cậu bé con luôn mấy ván, nên đưa lên đấu với Lâm Phù Khanh, họ Lâm mới

đầu khinh thị nhưng sau cùng phải nhường chức “*quốc thủ*” cho Quá Bách Linh.

Tiền Khiêm Ích (錢謙益) trong bài thơ ca ngợi Quá Bách Linh “*Kinh Khẩu Quan Kỳ Lục Tuyệt Cú*” có hai câu:

Bát tuế đồng nha thượng địch đàn,
Bạch đầu kỳ độc hứa thủy can?

八歲童牙上弈壇

白頭旗纛許誰干?

Ra quân từ thuở mới lên tám,

Cờ quạt trong tay đến bạc đầu.

Quá Bách Linh có trứ tác “*Quan Tử Phổ*” (官子譜), “*Tam Tử Phổ*” (三子譜), “*Tứ Tử Phổ*” (四子譜) và hiệu đính lại “*Tiên Cơ Võ Khố*” (仙機武庫), cải tiến lại các chiến thuật trấn thần đầu, kim tỉnh lan, đại thiết võng, tiểu thiết võng... tạo nên một phong khí mới trong nghệ thuật cờ vây.

Chu Lại Dư là người Gia Hưng, Chiết Giang biết đánh cờ từ khi mới 5, 6 tuổi, năm lên mười đã nổi tiếng là có thể phân trí vừa đọc truyện vừa đánh cờ, đến nửa bàn đã đoán được hết các cách đi của đối thủ. Tuy họ Chu nổi tiếng sau Quá Bách Linh nhưng cả hai đều là những danh thủ có nhiều óc sáng tạo. Trong mười ván cờ mà hai người đấu với nhau (Quá Chu Thập Cục - 過周十局), Chu Lại Dư chiếm thượng phong trở thành khắc tinh của họ Quá nhưng ảnh hưởng không qua được vì thời thế đã biến chuyển, triều Minh đổ, triều Thanh lên. Đặng Nguyên Huệ (鄧元鏞) trong *Luận Dịch* (論弈) đã viết:

Minh mạt Thanh sơ chiến cuộc khai,

Quá Chu cồn cồn cộng đăng đài.

Nhất thời phong khí xu tuân khân,

Vô phục khinh cừ hoãn đài lai.

明末清初戰局開，

過周袞袞共登台。

一時風氣趨遵緊，

無復輕裘緩帶來。

Đầu triều chiến cuộc nghênh ngang,

*Hai ông Chu, Quá lãng xãng tranh bàn.
Thời nay phong khí đã tàn,
Còn đâu áo mỏng đại nhàn đến xem.*

Đời Thanh:

Người ta bảo rằng cái thú đánh cờ vây ở đời Thanh phong thịnh chẳng khác gì thơ ca đời Đường. Mà không cứ gì cờ, nhiều bộ môn nghệ thuật khác cũng phát triển đến cực thịnh đưa nhà Thanh lên triều đại cao điểm của văn minh Trung Hoa.

Cuối đời Thanh, Đặng Nguyên Huệ viết *Quốc Triều Dịch Gia Tính Danh Lục* (國朝弈家姓名錄) trong đó sưu tầm được 169 người. Người được xưng là Kỳ Thánh đầu đời Thanh là Hoàng Long Sĩ (黃龍士). Long Sĩ tên thực là Cầu (虬), còn tên là Hà (霞) người đất Thái Châu, tỉnh Giang Tô sinh năm 1651 (Thuận Trị thứ 8), mới 18 tuổi đánh cờ với các quốc thủ đã dám chấp quân hay nhường đối thủ đi trước. Nước cờ của ông người sau khen là “*như tiên trên trời xuống trần, không vương một chút bụi*”^[23], xuất thần nhập hoá. Kinh học gia Diêm Nhược Cừ (閻若璩) đã xếp Hoàng Long Sĩ, Hoàng Tông Hi (黃宗羲), Cố Viêm Võ (顧炎武) vào trong danh sách mười bốn thánh nhân thời Thanh sơ đủ biết tiếng tăm ông vang dội là chừng nào.

Ngô Thanh Nguyên, một nhân vật chuyên nghiên cứu về cờ vây đã cho rằng nước cờ của Hoàng Long Sĩ có thể sánh ngang với danh nhân Nhật Bản Tú Sách (秀策) là người mà trước nay không ai bì kịp. Theo chính lời của Hoàng Long Sĩ thì:

... Mười chín đường dọc ngang của bàn cờ không khác gì 28 phân dã của tinh tú nên đánh cờ cũng không khác gì hoạch thổ phân cương, lấy chỗ hiểm làm kinh đô, chọn chỗ yếu để dựng trại, bao vây trung thổ để phòng thủ chung quanh, khi chiến thì một tướng đơn thân xông lên, dẫu chỗ kiên cố đến đâu cũng san bằng, khi thủ thì như một kẻ thất phu giữ cửa, dẫu có thất hùng cũng không qua được, ấy là đại thế của công thủ.

Đất hai bên bằng nhau, ai có thế thì mạnh, lực hai bên ngang ngửa, người dụng trí thì thắng, cầm roi thì ái mộ nước đi trước của Tổ Sinh, nhập quan thì then việc đi sau Bái Công, ấy là việc xây dựng cơ nghiệp phải sớm sửa. Còn như hư thực khác nhau thế nào, kỳ chính tinh diệu ra sao, Tào Công vì có đất Kinh mà vùng vẫy trung nguyên, Á Phu vì đất

Lương mà bỏ Ngô Sở, Hạng Vũ lấy chính binh phá Triệu nên phải đánh Tần trước, Tôn Tẫn dùng kỳ binh cứu nước Hàn mà thắng đường sang Ngụy, ấy là việc bỏ hay lấy phải tùy nghi, mình bạch chuyện nhanh hay chậm của ta của địch... (Kỳ Quát)

Năm Hoàng Long Sĩ hơn ba mươi tuổi có Từ Tinh Hữu (徐星友) ở kinh sư đến học, kỳ lược đạt đến mức chỉ còn kém thầy hai quân. Thế nhưng Hoàng Long Sĩ lại chấp Từ đến ba quân, hai người đánh mười ván, hai bên đều kiệt lực suy nghĩ, vận hết tâm huyết đến nỗi học cả máu ra, thành thử hậu nhân đặt tên cho mười bàn cờ đó là “huyết lệ thiên” (血淚篇). Sau trận cờ này Từ Tinh Hữu trở thành quốc thủ nổi danh.

Từ Tinh Hữu người Hàng Châu, tuổi còn cao hơn Hoàng Long Sĩ, đánh theo lối chính phái với tâm niệm “*hư không hơn được thực, khéo không hơn được vụng*” làm nguyên tắc. Sau khi đánh xong mười bàn cờ huyết lệ thiên, ông tiềm tâm suy nghĩ, ba năm không xuống dưới lầu. Sau khi Hoàng Long Sĩ qua đời, Từ đứng đầu kỳ đàn trong liên tiếp ba bốn chục năm, thắng cả sứ thần nước Cao Ly là người tự cho rằng không ai đối thủ.

Năm Khang Hy thứ 58 (1719), ông tuyển soạn *Kiểm Sơn Đường Dịch Phổ* (兼山堂弈譜). Hai năm sau, ông ngẫu nhiên gặp hai cậu bé mới 12, 13 có thiên tư đánh cờ bèn chấp 3 quân, lại tặng luôn cho cuốn sách ông mới soạn. Hai đứa trẻ được cuốn *Kiểm Sơn Đường Dịch Phổ* bèn cùng nhau nghiên cứu một năm, kỳ nghệ đại tiến, sau này chính là hai người nổi danh đời Thanh Thi Tương Hạ (施襄夏) và Phạm Tây Bình (范西屏).

Thi Tương Hạ (1710-1770) có tên là Thiệu Âm (紹闇), hiệu là Định Am (定庵); Phạm Tây Bình (1709-1776) tên là Thế Huân (世勛) đều là người Chiết Giang, thành quốc thủ từ khi còn nhỏ. Hiện nay sách vở còn truyền lại 10 ván cờ của hai người. Người đời nhận định rằng:

Tây Bình kỳ diệu cao viễn, biến hoá như con rồng thần không ai có thể đoán được đầu đuôi; Định Am khít khao nghiêm chỉnh như ngựa Ký xoải bước, nhanh mà không nhỡ bước.

Trong *Dịch Tiềm Trai Tập Phổ* (弈潛齋集譜), Đặng Nguyên Huệ có

viết:

Phạm Tây Bình nhờ biến hoá thần tình mà nổi danh, Thi Định Am được khen là tiêu chuẩn không ai sánh nổi.

Từ Kha (徐珂) trong *Thanh Bại Loại Sao* (清稗類鈔) thì cho rằng hai người trong kỳ đàn cũng không khác gì Lý Bạch và Đỗ Phủ trong làng thơ, mỗi người có một nét độc đáo riêng. Sau khi ông mất, văn học gia Viên Mai (袁枚) đã viết mộ chí cho Phạm Tây Bình, hết sức tán dương.

Thi Tương Hạ để lại *Dịch Lý Chỉ Qui* (弈理指歸) và *Dịch Lý Chỉ Qui Tục Biên* (弈理指歸續編) còn Phạm Tây Bình thì biên soạn *Đào Hoa Tuyền Kỳ Phổ* (桃花泉棋譜) tổng hợp những gì hai người đã thu đạt được trong mấy chục năm đánh cờ và cho đến nay vẫn là những kim chỉ nam cho người ưa thích môn cờ vây.

Ngoài Thi, Phạm hai người, trong số quốc thủ đời Thanh cũng còn Lương Ngụy Kim (梁魏今) và Trình Lan Như (程蘭如) được hợp xưng là Tứ Đại Gia.

Cuối đời Thanh, người ta cũng thấy có một số quốc thủ khác như Trần Tử Tiên (陳子仙), Chu Tiểu Tùng (周小松). Trần Tử Tiên mất sớm nhưng Chu Tiểu Tùng sống thọ qua nhiều triều đại từ Đạo Quang đến Quang Tự, tuy không lừng lẫy như Thi Phạm hai người. Ông để lại tác phẩm *San Cúc Trai Kỳ Bình* (餐菊齋棋評).

TRIẾT LÝ VÀ GIAI THOẠI VỀ CỜ VÂY

Âu Dương Tu đời Tống có viết trong *Tân Ngũ Đại Sử*:

Việc trị nước cũng không khác gì đánh cờ vây, biết cách dùng, biết cách đặt cho đúng chỗ thì thắng, không biết cách dùng, không biết cách đặt thì thua. ^[24]

Ông cũng đi xa hơn để nhận định rằng trong nghệ thuật đánh cờ lắm khi chỉ thay đổi một quân cũng có thể chuyển bại thành thắng, cũng không khác gì sử dụng con người, nếu biết cách thì nguy sẽ thành an, thua sẽ thành được. Vấn đề dụng nhân như dụng mộc ngay từ xưa đã được đề cao mặc dầu không có những tiêu chuẩn chặt chẽ, nặng phần trực giác nhưng đã ảnh hưởng rất nhiều trong chính trị.

Lục Cửu Uyên (陸九淵), một lý học gia treo một bàn cờ trên tường, trầm tư suy nghĩ trong hai ngày liền rồi buột miệng:

Cờ vây so với hà đồ cũng chẳng có gì khác nhau!

Họ Lục là người chủ trương “vũ trụ là tâm mà tâm cũng là vũ trụ” ^[25] là sáng tổ của phái tâm học trong triết học Trung Hoa. Mã Ngọc (馬鈺), một trong Toàn Chân Thất Tử đời Kim cũng thường hay đánh cờ với đệ tử để truyền dạy đạo pháp. Ông từng nói:

Thần tiên đi đến chỗ chí đạo là bão nhất, nếu như khi đánh cờ mỗi quân đều tỏ lộ được nét độc nhất vô nhị, chẳng phải là “chí đạo hợp nhất” hay sao?

Các bậc cao tăng cũng hay lấy ví dụ từ đánh cờ mà thuyết pháp. Pháp Viễn thiền sư truyền đạo cho Âu Dương Tu lấy cờ vây làm ẩn dụ. Trung Phong thiền sư cho rằng tặc đế là quân đen, chân đế là quân trắng... nếu ai nhìn thấu được cái lẽ đó thì bàn cờ biến hoá cũng không khác gì thế gian.

Lý Bí (李泌) đời Đường, bảy tuổi làm thơ vịnh đánh cờ có câu:

Vuông như làm điều nghĩa, tròn như dùng mưu trí, động thì như thi thố tài năng, tĩnh thì như đã hoàn thành ý nguyện. ^[26]

Lục Thu Thanh (陸樹聲) đời Minh coi đánh cờ là tuyệt nghệ của nhân sinh còn Vưu Đồng (尤侗) đời Thanh thì bảo rằng “*quan sát mười chín đường kia còn hơn cả đọc hai mươi một bộ sử*”.^[27] Người ta lý giải rằng đánh cờ hàm nghĩa hai phương diện:

- Kỳ lý hay qui luật đánh cờ
- Nhận thức hay sự tương đồng với xã hội

Chính vì đánh cờ có nhiều điểm tương đồng với cuộc đời, người ta cho rằng từ đó chúng ta có thể rút ra những bài học nhân sinh, áp dụng vào sinh hoạt thường nhật. Điều đó đúng tới mức độ nào thì tùy theo sự đánh giá của mỗi người.

Trong lịch sử Trung Hoa, nhiều tác phẩm viết về cờ, kỳ lý cũng như kỳ cuộc, kỳ phổ còn lưu truyền đến ngày nay. Đời Tống có *Vong Ưu Thanh Lạc Tập* (忘憂清樂集), đời Nguyên có *Huyền Huyền Kỳ Kinh* (玄玄棋經), đời Minh có *Thích Tình Lục* (適情錄), *Thu Tiên Di Phổ* (秋仙遺譜), *Dịch Tẩu* (弈藪), *Thiên Cơ Võ Khố* (仙機武庫), đời Thanh có *Quan Tử Phổ* (官子譜), *Dịch Quát* (弈括), *Kiểm Sơn Đường Dịch Phổ* (兼山堂弈譜), *Dịch Lý Chỉ Qui* (弈理指歸)... Những tác giả ngoài tài đánh cờ bao giờ cũng tìm ra được những cách thức mới vượt ra khỏi bình thường.

Lâm Ứng Long (林應龍) trong *Thích Tình Lục* đã sưu tầm được bảy trăm bàn cờ, sau đó phân tích bằng thuật ngữ quân sự để chia ra hai mươi loại, rồi dùng hào quẻ trong Dịch Kinh để liên hệ với nhau.

Quốc thủ đời Thanh là Thi Tương Hạ trong *Dịch Lý Chỉ Qui* thì đem kinh nghiệm đã đưa ra được những qui tắc để giải những nước khó khăn như “*nhập phúc tranh chính diện*” (入腹爭正面), “*hình phương tất thứ, đầu nhuyễn tu bản*” (形方必覷, 頭軟須扳)...

Phan Thận Tu (潘慎修) đời Tống thì lại đem ngũ thường để luận cờ - “*nhân tắc năng toàn, nghĩa tắc năng thủ, lễ tắc năng biến, trí tắc năng kiêm, tín tắc năng khắc. Quân tử tri kỳ ngũ giả, thứ kỳ khả dĩ ngôn kỳ hĩ.*” (có thể toàn được ấy là điều nhân, có thể thủ được, ấy là điều nghĩa, có thể biến được, ấy là điều lễ, có thể kiêm được, ấy là điều trí, có thể khắc được, ấy là điều tín. Người quân tử biết cả năm điều, là có

thể bàn về đánh cờ được).

Đời Tống, Trương Nghĩ (張擬) biên soạn *Kỳ Kinh Thập Tam Thiên* dựa theo *Thập Tam Thiên binh pháp* của Tôn Tử, tổng kết mọi phương pháp lý luận của các đời, trong đó *Luận Cục* là thiên đầu tiên có thể dùng làm cơ sở để luận cho mười hai thiên kế tiếp. Sách vở cũng đề cao kỳ đức là phẩm hạnh của người đánh cờ và không hiềm người dù phải tiếp bậc đế vương cũng không vì uy vũ mà mất tư cách.

Lạn Kha tiên khách (爛柯仙客)

閑看數着爛樵柯，
澗草山花一剎那。
五百年來棋一局，
仙家歲月也無多。
題王質爛柯圖
徐渭

Nhàn khan số trước lạn tiều kha,
Giản thảo sơn hoa nhất sát na.
Ngũ bách niên lai kỳ nhất cục,
Tiên gia tuế nguyệt dã vô đa.
Đề Vương Chất lạn kha đồ
(Từ Vị)

*Vài nước trôi qua cán mục rồi,
Cỏ khe hoa núi sát na thôi.
Năm trăm năm đó chưa đây ván,
Ngày tháng nơi tiên khác hẳn đời.*

Thuật Dị Ký (述異記) của Nhâm Phưởng (任昉) thời Nam Triều có chép:

Vào đời Tấn, ở núi Tín An, quận Thạch Thất có một tiểu phu tên là Vương Chất (王質) đi vào rừng dẫn củi, thấy hai đứa bé ngồi đánh cờ, cho Chất một vật gì đó trông giống như hạt táo, ăn vào không thấy đói để cho y ngồi chống búa mà xem.

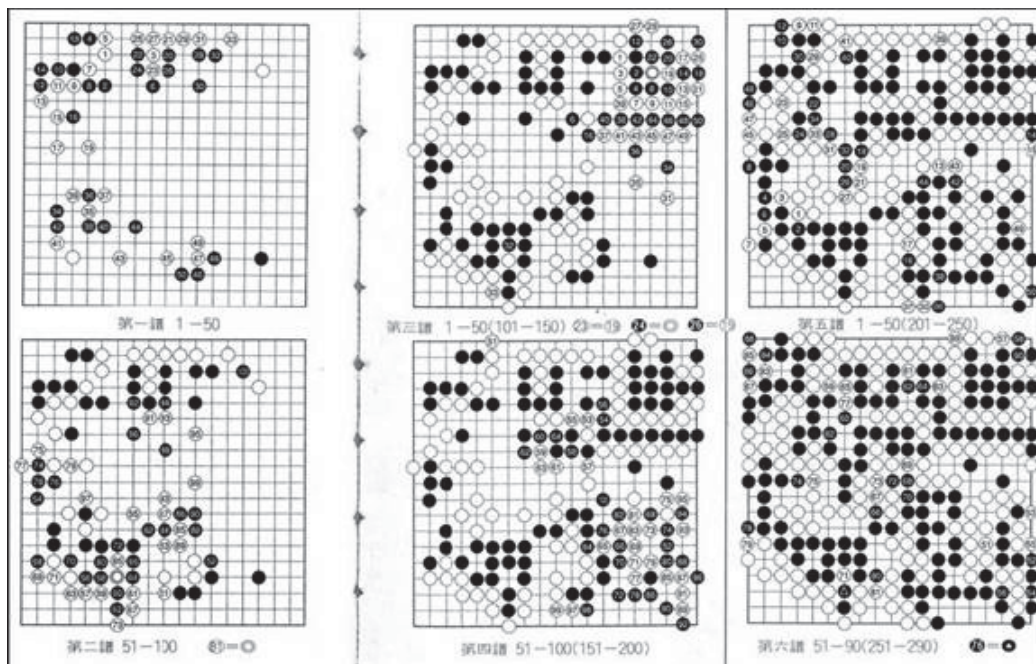
Ván cờ chưa xong, một đứa bé chỉ tay mà nói rằng:

- Cán búa của ngươi mục rồi kìa!

Khi Chất trở về đến quê cũ thì đã một trăm tuổi, không cách nào có

thể quay trở lại như ngày xưa.

Hiện nay một bản cò còn ghi lại trong *Vong Ưu Thanh Lạc Tập* đời Nam Tống do Lý Dật Dân biên soạn, truyền là ván cò mà Vương Chất thấy hai vị tiên trên núi đã đánh. Câu chuyện này cũng được chép trong *Phố Đảo Truyện Ký* (浦島傳記) của Nhật tuy có khác hơn đôi chút.^{[\[28\]](#)}



Lạn Kha đồ lục phổ
 Bắc Dịch Du Hý Nhân Sinh tr. 140-1

Bàn cờ này tất cả 290 nước, bên đen thắng một quân. Cao Thanh Khâu đã viết hai câu thơ hỏi kháy:

Một bàn sao lại nên nghìn tuổi?

Chắc tại tiên ông chậm đặt quân. [\[29\]](#)

CỜ VÂY VỚI KIM DUNG

Những ai thích đọc tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung đều ít nhiều nhớ đến những bàn cờ vây được Tra tiên sinh đưa vào truyện để thêm khởi sắc, khởi đầu cho nhiều biến cố quan trọng trong võ lâm. Bàn cờ giữa Côn Luân Tam Thánh Hà Túc Đạo với Giác Viễn trên núi Thiếu Lâm là biến cố quan trọng nhất trong *Ý Thiên Đồ Long Ký* trước khi thiên hạ chia ra thành bốn đại môn phái Thiếu Lâm, Võ Đang, Nga Mi, Côn Luân. Sau đây là sự xuất hiện của Hà Túc Đạo trong rừng sâu:

Người đó tiện tay đưa lên dây đàn gảy thêm vài đoạn ngắn, ngừng đầu lên nhìn trời thở dài, ngâm:

Võ kiếm dương mi lòng trĩu nặng,

Nước trong đá trắng nở lìa nhau.^[30]

Thế gian này nếu không có kẻ tri âm, dù sống đến nghìn tuổi, phỏng có ích gì?

Nói đến đây, đột nhiên người đó rút ra từ đáy chiếc đàn một thanh trường kiếm, ánh xanh lấp lánh, chiếu ra trong rừng. Quách Tương nghĩ thầm: “Nguyên lai người này văn võ toàn tài, không biết kiếm pháp của y ra sao”.

Chỉ thấy y chậm rãi đi tới bãi đất trống trước một cây cổ tùng, mũi kiếm chỉ xuống đất, gạch tới gạch lui, hết vạch này tới vạch khác. Quách Tương lấy làm lạ: “Trên thế gian có loại kiếm pháp kỳ quái đến thế sao? Chẳng lẽ chỉ trỏ kiếm xuống đất vạch một hồi, có thể khắc địch chế thắng? Người này quả thật quái dị không thể nào đo lường được.”

Y vạch một hồi, thấy gạch ngang mười chín nét, rồi đổi qua gạch dọc, tất cả cũng mười chín nét. Kiếm chiêu trước sau không thay đổi, dù dọc hay ngang cũng chỉ thẳng bằng như chữ nhất. Quách Tương theo dõi kiếm thế của y, cũng đưa tay vạch lên đất mười chín nét, bỗng dừng bật cười, y đâu có sử dụng kiếm pháp quái dị nào đâu, mà chỉ dùng kiếm vạch thành một bàn cờ dọc ngang mỗi chiều mười chín nét.

Người đó vẽ bàn cờ xong, dùng mũi kiếm vẽ tại góc trái bên trên và góc phải bên dưới mỗi nơi một vòng tròn, lại tại góc phải bên trên và góc trái bên dưới mỗi nơi vẽ một vạch chéo. Quách Tương đã thấy y vẽ đây là một bàn cờ vây, biết y đang bố trí trận thế tại bốn góc, hình tròn là bên trắng, hình chéo là bên đen. Lại thấy y đặt một vòng tròn cách ba ô trên góc trái, lại cách dưới hai ô vạch một hình chéo. Đi đến nước thứ mười chín, y chống kiếm đứng, cúi đầu suy nghĩ, đang phân vân không biết nên bỏ quân giữ thế hay cố sức tranh góc cạnh.

Quách Tương nghĩ thầm: “Người này cũng chẳng khác gì ta, thật là tịch mịch, ở trong núi hoang gầy đàn, lấy chim chóc làm tri âm; đánh cờ lại cũng không có đối thủ, chỉ tự mình đánh với mình.”

Người đó suy nghĩ một hồi, quân trắng không cách gì lợi ra được, trên góc trái đấu với quân đen thật kịch liệt, nhất thời chưa tìm ra cách nào hay, từ bắc xuống nam không thể nào tranh được phúc địa ở Trung Nguyên. Quách Tương xem cờ xuất thần, từ từ nhích lại gần, nhưng vì quân trắng lúc bố cục bị thua một nước, trước sau vẫn bị rơi vào hạ phong, đến nước thứ hai mươi ba thì gặp phải liên hoàn kiếp, bên quân trắng lâm vào thế nguy, nhưng y vẫn cố gắng chống đỡ. Người đời thường nói “Cờ ngoài bài trong”, ý nói người đứng ngoài coi đánh cờ bao giờ cũng sáng nước hơn. Quách Tương đánh cờ cũng chỉ bình bình, nhưng nhìn thấy thế cục nếu bên trắng còn đánh giằng dai không khỏi toàn quân bị mất, nên buột miệng nói:

- Sao không bỏ Trung Nguyên đi để lấy Tây Vực?

Người nọ giật mình, thấy trên bàn cờ phía tây còn một chỗ trống lớn, nên lợi dụng bên kia đang chặn bắt, để luôn hai quân, chiếm lấy chỗ yếu, tuy bỏ nửa chừng nhưng biến được thành thế không thắng không bại. Người đó được Quách Tương một lời nhắc nhở, ngẩng mặt lên trời cười một hồi dài, luôn mồm: “Hay lắm, hay lắm”. Nói rồi hạ luôn mấy quân. Y chợt nghĩ ra có người đang ở bên cạnh, nên ném trường kiếm xuống đất, quay lại nói:

- Vị cao nhân nào đó đã chỉ dạy, tại hạ thật là cảm kích.

Nói rồi hướng về phía Quách Tương đang ẩn náu vái chào một cái.

Kim Dung: Y Thiên Đồ Long Ký, chương 1 (bản dịch Nguyễn Duy

Chính)

Nếu chúng ta để ý kỹ, bàn cờ đầu tiên của Hà Túc Đạo đã phần nào hình dung được cuộc thế võ lâm và lời nhắc của Quách Tương “bỏ Trung Nguyên đi để lấy Tây Vực” có thể đem đến cho Hà Túc Đạo ý niệm hùng cứ nhất phương trên núi Côn Luân thay vì toan tính hùng cứ ở lục địa.

Bàn cờ Hà Túc Đạo đấu trên chùa Thiếu Lâm là một cuộc tỉ đấu nội lực không tiền khoáng hậu:

Hà Túc Đạo không trả lời, cúi xuống nhặt một viên đá sắc cạnh, đột nhiên vạch ngang, vạch dọc trên nền đá tại trước sân chùa. Chỉ trong khoảnh khắc, y đã vạch ngang dọc mỗi chiều mười chín đường thành một bàn cờ lớn. Đường kinh đường vĩ đều thẳng tắp, tưởng như dùng thước mà đo, mỗi nét đều sâu ngập vào đá khoảng nửa tấc. Phiến đá đỏ vốn dẻo bằng đá xanh của núi Thiếu Thất, cứng như thép, mấy trăm năm qua biết bao người lai vãng cũng không mòn đi chút nào. Y thuận tay dùng một cục đá vẽ lên mà vào sâu cả tấc, nội công như thế trên đời ít thấy. Chỉ thấy y cười nói:

- Tỉ kiếm e rằng bá đạo, đánh đàn thì không có cách gì mà so tài. Nếu đại hòa thượng cảm thấy cao hứng, chúng ta đánh với nhau một ván cờ xem sao?

Việc y dùng đá vạch thành bàn cờ quả là một tuyệt kỹ kinh người, Thiên Minh, Vô Sắc, Vô Tướng và cả đến Tâm Thiên Đường thất lão ai cũng mặt mày ngo ngẩn, thầm sợ trong lòng. Thiên Minh phương trượng biết rằng nội lực hồn hậu như thế trong chùa không ai bì kịp, tâm địa ông quang minh lỗi lạc, đang định mở miệng chịu thua, bỗng nghe tiếng xích sắt loảng xoảng kéo lê trên đất vọng tới.

Chỉ thấy Giác Viễn gánh đôi thùng sắt lớn đi tới trước mặt, theo sau là một thiếu niên cao ráo. Giác Viễn tay trái vịn lấy mép thùng nước, tay phải đơn chưởng chỉ lên trời hướng về Thiên Minh hành lễ, nói:

- Theo lệnh lão phương trượng cho gọi đến.

Thiên Minh nói:

- Vị Hà cư sĩ này có lời muốn nói với người.

Giác Viễn quay người nhìn lại, thấy Hà Túc Đạo nhưng không nhận

ra là ai, nói:

- Tiểu tăng là Giác Viễn, cư sĩ có điều gì muốn sai bảo?

Hà Túc Đạo vạch xong bàn cờ, kỳ húng nổi lên, nói:

- Chuyện đó để nói sau cũng không muộn. Bây giờ đại hòa thượng nào cùng ta đánh cờ trước?

Thực ra y không cố ý hiển thị công phu, có điều trong đời đôi với ba món cầm kỳ kiếm ham quá hóa mê, mỗi khi húng tới thì dù có trời sập cũng không coi vào đâu, nên khi muốn đánh cờ chỉ mong có người đối cuộc, còn việc tỉ thí võ công gác sang một bên.

Thiên Minh thiền sư nói:

- Hà cư sĩ vạch đá thành bàn cờ, thần công như thế, lão nạp từ khi sinh ra chưa thấy bao giờ, tăng chúng trong tệ tự cam chịu hạ phong.

Giác Viễn nghe Thiên Minh nói như vậy, nhìn xuống thấy bàn cờ lớn trên nền đá xanh, biết rằng người này đến đây cốt để phô bày võ công, lập tức xốc lại đôi thùng sắt, hít một hơi, đem hết công lực một đời tu luyện dồn xuống hai đùi, theo những đường vạch của bàn cờ từng bước đi tới.

Chỉ thấy dây xích trên chân ông ta đi đến đâu thì trên phiến đá hiện ra một vết lõm rộng chừng năm tấc, những đường vạch của Hà Túc Đạo bị xóa sạch. Chúng tăng thấy thế không nhịn được đều lớn tiếng hoan hô. Thiên Minh, Vô Sắc, Vô Tướng vừa lạ lùng vừa mừng rỡ, không ngờ vị lão tăng si si ngốc ngốc này lại có nội công thâm hậu đến thế, tuy cùng sống dưới một mái chùa mấy chục năm, mà mình không hề hay biết gì. Bọn Thiên Minh biết rằng nếu chỉ trông vào nội lực của con người thì dù mạnh cách mấy cũng không thể nào đập lên đá xanh mà in dấu được. Cũng nhờ Giác Viễn gánh thêm đôi thùng sắt đầy nước, tổng cộng phải đến hơn bốn trăm cân. Hơn bốn trăm cân đó từ vai truyền xuống dưới xích sắt ở đôi bàn chân, đi tới chẳng khác gì một cái đục lớn đục lên đá, cào sạch những đường vạch dọc ngang của Hà Túc Đạo. Nếu Giác Viễn chỉ đi chân không, thì không cách nào có thể làm được. Tuy thế, mặc dù có mượn lực thật, nhưng cũng là thần công ít có ở trên đời.

Ý Thiên Đồ Long Ký, chương 2 (bản dịch Nguyễn Duy Chính)

Thiên Long Bát Bộ thì còn phức tạp hơn với bàn cờ giữa Hoàng Mi

Tăng và thanh bào quái khách Đoàn Diên Khánh đánh dấu sự tái xuất của Thiên Hạ Đệ Nhất Ác Nhân và cuộc tranh chấp trong hoàng gia Đại Lý. Ở giữa truyện, ván cờ Trân Lung kỳ diệu đưa tới một biến động bất ngờ trong võ lâm:

... Hư Trúc mở mắt ra nhìn, không khỏi đỏ mặt. Thì ra khi y nhắm mắt để đại xuống một quân, sao lại trúng ngay một đám quân trắng đang bị quân đen bao vây không còn chỗ nào lọt ra được. Đám quân trắng đó vốn dĩ còn một nước nữa, quân đen lúc nào đặt xuống cũng ăn sạch, nhưng nếu như đối phương không rảnh rỗi để hạ kỳ thì cũng còn có đường sống, mà bên trắng cố gắng vùng vẫy cũng chỉ ở một nước đó mà thôi. Thế nhưng lúc này y lại đem quân mình ăn quân mình, trong phép chơi cờ chưa từng có ai đi lỗi tự sát như thế. Quân trắng chết rồi, phe mình coi như tan rã.

Ngờ đâu, chính nước cờ tự sát đó đã mở đường cho một cục diện mới để bên trắng chuyển nguy thành an, từ từ lấy lại được phong độ:

... Nước cờ đó quả là rất cao. Trong ba mươi năm qua, Tô Tinh Hà đã suy nghĩ tất cả những thiên biến vạn hóa của thế cờ này, sách giải thuộc nằm lòng, dấu đối phương đi nước nào cũng không qua khỏi những gì ông ta đã nghĩ tới. Thế nhưng Hư Trúc thoát đâu nhắm mắt đặt bừa một quân, tự mình giết chết một đám quân mình vi phạm phép đánh cờ rất nặng, dù người chỉ hơi biết đánh cờ cũng không ai lại làm thế.

Cái cách đó chẳng khác gì tự mình gio kiếm vung đao lên cửa cô mình. Ngờ đâu sau khi y nhắm mắt đặt một quân giết của mình một khối lớn rồi, cục diện lại thấy thông tỏ hơn, bên quân đen tuy có lợi lớn nhưng quân trắng lúc này cũng còn có cơ chống đỡ, không phải như trước bó chân bó tay, được chỗ nọ mất chỗ kia. Cục diện mới này Tô Tinh Hà dù có nằm mơ cũng không sao nghĩ tới được. Ông ta ngạc nhiên, suy nghĩ một lúc lâu, lúc đó mới đi một quân đen.

Thì ra khi Hư Trúc trông thấy Tô Tinh Hà đánh ra một chương uy hiếp, sư bá tổ cũng không lên tiếng giải vây cho mình, còn đang bàng hoàng lo lắng, bỗng nghe một tiếng nói nho nhỏ truyền vào trong tai:

- Để vào bình vị ở nước tam cửu.

Hư Trúc chẳng cần biết ai là người chỉ điểm mình, cũng không cần

biết đúng hay sai, cầm ngay quân trắng, theo đúng lời dặn hạ vào bình vị tam cửu. Đến khi Tô Tinh Hà đi một quân đen nữa rồi, giọng nói đó lại truyền vào tai Hư Trúc:

- Bình vị nhị bát.

Hư Trúc lại đặt một quân trắng xuống nước bình vị nhị bát. Quân cờ đi rồi, chỉ nghe Cưu Ma Trí, Mộ Dung Phục, Đoàn Dự cả bọn đều ồ lên một tiếng. Hư Trúc ngẩng đầu lên, thấy mọi người ai nấy tỏ vẻ ngạc nhiên, đồng thời khâm phục đủ biết nước đi của mình thật tinh diệu, lại thấy vẻ mặt Tô Tinh Hà vừa mừng rỡ sung sướng nhưng cũng nóng nảy bồn chồn, đôi lông mày dài không ngớt nhô lên hụp xuống.

Hư Trúc trong bụng khởi nghĩ: “Sao ông ta đột nhiên lại cao hứng thế? Không lẽ nước cờ mình đi sai rồi chăng?”. Thế nhưng lại lập tức nghĩ ngay: “Không cần biết đi đúng hay sai, chỉ cần mình đi được mười nước trở lên, đủ để biết rằng mình cũng có đường đi nước bước, không phải đến quấy rối làm loạn nước cờ, hồi nhục tiên sư của ông ta, lúc đó sẽ không trách mình được nữa”. Đến khi Tô Tinh Hà đi một quân đen nữa, y lại theo đúng người nào đó ám trung tương trợ chỉ điểm, hạ một quân trắng. Hư Trúc một mặt hạ kỳ, một mặt chú tâm quan sát, có phải sư bá tổ bí mật giúp đỡ mình hay không, nhưng thấy Huyền Nạn thần tình ra chiều nóng ruột, xem ra không phải, huống chi trước sau ông ta không mở miệng nói câu nào.

Người đưa tiếng nói truyền vào tai y nội lực phải cực kỳ thâm hậu, hiển nhiên là “truyền âm nhập mật” dùng thượng thừa nội công truyền lời nói thẳng vào tai y, người khác dù có đứng ngay bên cạnh cũng không nghe thấy gì cả.

Thế nhưng dù tiếng nói có nhỏ tới mức nào thì miệng vẫn phải mấp máy, Hư Trúc lén quan sát mọi người, không thấy người nào động đậy, vậy mà câu: “Để xuống vị trí ngũ lục” vẫn vào tai y thật rõ ràng. Hư Trúc đúng theo đó mà đi, nghĩ thầm: “Dạy ta ngoài sư bá tổ ra thì còn ai nữa. Những người khác với mình vô thân vô cớ, việc gì phải giúp mình? Trong những cao thủ ở đây, chỉ có mình sư bá tổ chưa đánh cờ, còn ai cũng đã thử qua và cũng đã thua rồi. Sư bá tổ thần công phi phàm, thành ra không mấp máy môi vẫn có thể “truyền âm nhập mật”, ta không biết

đến bao giờ mới tu luyện được đến mức đó”.

Y có biết đâu người chỉ cho y lại chính là thiên hạ đệ nhất ác nhân có cái ngoại hiệu Ác Quán Mãn Doanh Đoàn Diên Khánh. Vừa rồi Đoàn Diên Khánh chìm sâu mê mẩn vào cuộc cờ, bị Đinh Xuân Thu thừa cơ dậu đồ bìm leo, định đẩy y vào chỗ tửu hỏa nhập ma, tự sát thân vong, cũng may Hư Trúc làm loạn nước cờ mới cứu mạng cho y được. Y thấy Tô Tinh Hà nặng lời trách mắng Hư Trúc, có ý muốn giết chú tiểu này nên buông lời chỉ điểm, cố ý giải vây, để cho nhà sư có dịp thoái lui. Y giỏi về thuật phúc ngữ, khi nói không cần phải mấp máy môi, lại thêm nội công thâm hậu nên biết cách “truyền âm nhập mật”, tuy bên cạnh có mấy cao thủ hạng nhất nhưng vẫn không ai khám phá ra.

Thế nhưng sau mấy nước, cuộc diện lại biến hóa mãnh liệt, Đoàn Diên Khánh nắm ngay được cái bí áo của bàn cờ Trân Lung này. Đó là bên trắng phải tự giết một số quân của mình trước, sau đó những chỗ kỳ diệu mới liên tục sinh ra.

Trong phép đánh cờ có những nước phản phác, đảo thoát ngoa, tự mình cố ý đi vào chỗ chết để nhử cho đối phương ăn quân, sau đó sẽ lật ngược thế cờ nhưng có chết nhiều lắm cũng chỉ tám chín quân, chứ đời nào lại nhường đến mấy chục quân bao giờ. Phép “tự mình giết mình” quả là trong môn cờ vậy nghìn năm chưa ai thấy, dù cho loại cao thủ đến mức thần thánh cũng không ai dám nghĩ đến một nước cờ như vậy. Ai ai cũng chỉ nghĩ đến làm sao thoát khỏi khốn cảnh để tìm đường sống, chứ có ai lại nghĩ đến nước đi vào cửa tử để tìm đường ra, nếu không phải Hư Trúc nhắm mắt, thuận tay đặt bừa một nước cực kỳ ngốc nghếch đó, e rằng một nghìn năm sau, ván cờ Trân Lung này cũng không ai giải được.

Kỳ thuật của Đoàn Diên Khánh vốn đã cực cao minh, hôm xưa đánh cờ với Hoàng Mi tăng nước Đại Lý đã làm cho nhà sư này không còn đường chống đỡ, lúc này bên trắng đã mất đi một mảng lớn, thế đánh bỗng rộng rãi ra nhiều, chẳng nghĩ tới đám quân mình vừa mất, cũng không nghĩ tới cục diện bó chân bó cổ mới rồi, tự nhiên thoải mái mà đi quân không phải vào cảnh tiến thoái lưỡng nan như trước.

Cưu Ma Trí, Mộ Dung Phục đâu có biết Đoàn Diên Khánh đứng ngoài chỉ điểm, chỉ thấy Hư Trúc nước nào ra nước nấy, ăn luôn hai khối

cờ đen, nhịn không nổi phải tấm tắc khen ngợi.

Huyền Nạn lẩm bẩm nói một mình:

- Cuộc cờ này vốn quẩn quít trong trường thắng bại đắc thất, cho nên không thể nào phá giải được. Nước cờ của Hư Trúc không còn màng sinh tử, cũng không chấp trước được thua, hóa ra vượt ra khỏi vòng sống chết, đạt tới giải thoát...

Ông mang máng thấy có chỗ sở ngộ, nhưng lại chưa nắm được, biết mình cả đời chuyên lo võ học, khiếm khuyết công phu thiên môn, bỗng nghĩ ra: “Lung Á tiên sinh và Hàm Cốc bát hữu chuyên về tập học, cho nên võ công không bằng được Đinh Xuân Thu, ta trước đây cười chê họ đi vào ngã rẽ. Thế nhưng ta cả đời luyện tập võ công, không chăm lo tham thiên để vượt vòng sinh tử, có phải cũng đi vào sai lầm hay không?”. Ông nghĩ đến đó, tự nhiên toàn thân mồ hôi toát đầm đìa.

Kim Dung: Thiên Long Bát Bộ - chương 31 (bản dịch Nguyễn Duy Chính)

Trong Tiểu Ngạo Giang Hồ chúng ta lại thấy vì tính mê cờ của Hắc Bạch Tử đã khiến cho Hưong Vãn Thiên có cơ hội lọt vào Mai Trang cứu thoát Nhậm Ngã Hành.

... Hưong Vãn Thiên nói:

- Thì ra là thế! Ví như hiệp sĩ tâm thường, uống rượu vào chỉ thêm cay thêm đắng, cũng chẳng hề chi. Thế nhưng nhị trang chủ, tứ trang chủ ẩn cư ở cạnh Tây Hồ, phong cảnh tú lệ, thanh cao như thế, so với những kẻ thô lỗ trong võ lâm thật khác xa. Rượu này một khi đã ướp lạnh rồi, hơi nồng bay hết, thật hợp với thân phận của hai vị cao nhân. Cũng như đánh cờ, dùng sức để bắt quân, sát phạt nhau, ấy là kỳ phẩm của bọn tâm thường, chứ bậc hạng nhất hạng nhì thì phải nhập thần toạ chiếu...

Đôi mắt quái dị của Hắc Bạch Tử nhướng lên, chớp lấy vai y, hỏi dồn:

- Ngươi cũng biết đánh cờ ư?

Hưong Vãn Thiên đáp:

- Tại hạ bình sinh thích đánh cờ nhất, tiếc rằng kỳ lực không cao, thành thử đi khắp Giang Nam, Giang Bắc, trên dưới Hoàng Hà, sưu tầm kỳ phổ. Trong ba mươi năm qua, các danh cục xưa nay, trong dạ thuộc

lòng không phải ít.

Hắc Bạch Tử giục giã:

- Thế nhớ được những bàn cờ nào?

Hương Vãn Thiên đáp:

- Chẳng hạn như bàn cờ mà Vương Chất gặp tiên trên núi Lạn Kha hay Lưu Trọng Phủ đánh cờ với tiên ở Lư Sơn hay Vương Tích Tân đánh với con chồn thành tinh...

Y nói chưa dứt câu, Hắc Bạch Tử đã lắc đầu cười cười, nói:

- Những chuyện thần thoại đó, ai mà tin cho nổi? Không lẽ có chép trong kỳ phổ thực hay sao?

Y vừa nói vừa buông vai Hương Vãn Thiên ra. Hương Vãn Thiên nói:

- Lúc đầu tại hạ cũng cho rằng chẳng qua chỉ là chuyện của kẻ hiểu sự nguy tạo ra, thế nhưng hai mươi lăm năm trước thấy được đồ phổ bàn cờ Lưu Trọng Phủ đánh với Lư Sơn lão mẫu, quả là tinh vi, người thường không sao đi được, từ đó mới chắc mười mươi, tin chắc không phải hư ngôn. Không lẽ tiên bối cũng thích kỳ đạo hay sao?

Đan Thanh Sinh cười lên ha hả, bộ râu rậm lại tung bay, Hương Vãn Thiên hỏi:

- Tiên bối có sao cười như thế?

Đan Thanh Sinh đáp:

- Người hỏi nhị ca ta có thích đánh cờ hay chẳng? Ha ha ha! Đạo hiệu của nhị ca ta là Hắc Bạch Tử, liệu xem y có thích đánh cờ hay chẳng? Nhị ca ta thích cờ thật chẳng khác gì ta thích rượu.

Hương Vãn Thiên vội chống chế:

- Tại hạ nói lảng nhãng, thật đúng là múa búa trước cửa Lỗ Ban, xin nhị trang chủ đừng trách.

Hắc Bạch Tử nói:

- Có thực là người đã xem qua đồ phổ của Lưu Trọng Phủ đối địch với Lư Sơn tiên mẫu ư? Ta xem người xưa có viết, đọc rồi nhớ được ấy là Lưu Trọng Phủ là quốc thủ đương thời, đi qua chân núi Lư Sơn gặp một mục già nhà quê đánh cho đại bại, khiến học ra mấy thăng máu, thành thử bàn cờ đó được mệnh danh là “Âu Huyết Phổ”^[31]. Không lẽ bàn cờ học

máu ấy trên đời này có thật sao?

Khi y vào trong phòng thần tình lãnh đạm nhưng lúc này lại mười phần quan thiết. Hường Vấn Thiên nói:

- Hai mươi lăm năm trước, tại Thành Đô, Tể Xuyên tại hạ đã thấy được ở một căn nhà cũ của một thế gia vãn cò này, nước đi thật là kinh tâm động phách. Cho nên tuy đã hai mươi lăm năm qua mà toàn bộ một trăm mười hai nước, tới nay vẫn còn nhớ như in.

Hắc Bạch Tử hỏi:

- Cả thấy một trăm mười hai nước ư? Người bày ra cho ta xem nào. Mau mau, đi sang kỳ thất của ta để xếp cờ.

Đan Thanh Sinh đưa tay chặn lại, nói:

- Khoan đã! Nhị ca chưa chế băng cho tiểu đệ, không cách nào để nhị ca đi được.

Nói rồi bung tới một cái bồn sứ trắng, trong bồn đựng đầy nước trong. Hắc Bạch Tử thở dài:

- Bốn anh em mỗi người có một say mê riêng, thật còn biết nói sao đi nữa?

Y đưa ngón tay trở bên phải vào trong bồn nước. Chỉ trong giây lát, mặt nước đã toả ra một làn hơi mờ mờ, chẳng bao lâu, thành bồn cũng bốc lên một lớp sương trắng, trên mặt nước kết thành từng miếng băng mỏng, càng lúc càng dày, chỉ độ thời gian uống một chén trà, cả một bồn nước đều đông thành đá lạnh.

Hường Vấn Thiên và Lệnh Hồ Xung đều lớn tiếng reo hò. Hường Vấn Thiên nói:

- Công phu Hắc Phong Chỉ này nghe nói thất truyền trong võ lâm đã lâu, ngờ đâu nhị trang chủ...

Đan Thanh Sinh xen vào:

- Đây không phải là Hắc Phong Chỉ mà là Huyền Thiên Chỉ, so với công phu bá đạo của Hắc Phong Chỉ thật cao thấp khác nhau nhiều.

Y vừa nói vừa đặt bốn cái chén lên mặt băng, rót rượu bồ đào vào, chẳng mấy chốc trên mặt rượu cũng có những tia bạch khí. Lệnh Hồ Xung nói:

- Được rồi!

Đan Thanh Sinh cầm chén rượu lên, uống một hơi cạn sạch, thấy quả vừa đậm đà, vừa thuần khiết, vị lạ không còn, lại thêm một chút thanh lương thấm vào tì vị, tấm tắc khen:

- Ngon thực! Ta nấu rượu đã tài, Phong huynh đệ bình phẩm cũng hay, cách chế băng của nhị ca lại càng tuyệt. Còn ngươi thì sao?

Y nói rồi nhìn Hương Vãn Thiên, cười tiếp:

- Ngươi đứng ở bên cạnh, thêm mắm dặm muối, tài tung hứng cũng khéo lắm.

Hắc Bạch Tử bưng rượu lên uống xong, chẳng cần biết tửu vị ngon hay dở, cầm tay Hương Vãn Thiên nói:

- Đi thôi, đi thôi! Bày bàn cờ Ấu Huyết Phổ của Lưu Trọng Phủ cho ta xem nào.

Hương Vãn Thiên nắm tay áo Lệnh Hồ Xung, Lệnh Hồ Xung hiểu ý nói:

- Tại hạ cũng đi xem.

Đan Thanh Sinh nói:

- Xem làm gì? Chi bằng ngươi với ta ở đây hai người uống rượu.

Lệnh Hồ Xung đáp:

- Hai người mình vừa uống rượu, vừa xem đánh cờ.

Nói xong sóng bước cùng Hương Vãn Thiên và Hắc Bạch Tử đi ra. Đan Thanh Sinh không còn sao hơn, đành cấp luôn vò rượu lớn kia đi theo sang kỳ thất. Chỉ thấy một gian phòng khá lớn, ngoài một chiếc bàn đá, hai chiếc đệm ra, không còn gì khác, trên mặt bàn khắc một bàn cờ ngang dọc mười chín đường, trên để một hộp quân trắng, một hộp quân đen. Kỳ thất này ngoài bàn cờ và hai hộp quân kia không để thêm một thứ gì, cốt cho người đánh khỏi phân tâm.

Hương Vãn Thiên đến trước thạch kỷ, bày lên bốn góc bình thượng khí nhập bốn quân thế, sau đó ở nước bình lục tam lại để thêm một quân trắng, rồi nơi cửu tam để xuống một quân đen, tại nước lục ngũ đặt một quân trắng, tại nước cửu ngũ một quân trắng nữa, cứ liên tiếp đặt quân càng lúc càng chậm dần.

Hai bên đen trắng càng đấu càng thêm ác liệt, không để hở ra một nước nào, Hắc Bạch Tử nhìn vào mà mồ hôi trên trán rơi lã chã. Lệnh Hồ

Xung cũng kinh hãi thâm, mới đây thấy y dùng Huyền Thiên Chỉ hoá thuỷ thành băng, đủ biết là người nội công cao thâm biết chừng nào, chẳng coi chuyện đó vào đâu; vậy mà một việc nhỏ là đánh cờ y nhìn mà mồ hôi đầm đìa, đủ biết quan tâm đến loạn trí, người này mê quá hoá si, hẳn là Hường Vấn Thiên bắt thóp được nhược điểm của y nên ra tay tấn công vào.

Hắc Bạch Tử thấy Hường Vấn Thiên để đến quân thứ sáu mươi sáu rồi, một lúc lâu sau vẫn chưa đặt thêm quân khác, nhìn không nổi cất tiếng hỏi:

- Quân sau đó đi thế nào?

Hường Vấn Thiên mỉm cười hỏi lại:

- Chỗ này chính là rớt ráo, theo cao kiến của nhị trang chủ thì phải đi thế nào?

Hắc Bạch Tử suy nghĩ hồi lâu, trầm ngâm:

- Quân này ư? Đoạn cũng không xong, liên cũng chẳng ổn, hoành cũng chẳng hoành được, mà hoạt cũng chẳng đến đâu. Cái đó... cái đó...

Tay y cầm một quân trắng, đưa ra toan đặt nhưng có đến thời gian một bữa ăn, thuỷ chung vẫn chưa hạ xuống bàn cờ được. Trong thời gian đó, Đan Thanh Sinh và Lệnh Hồ Xung hai người đã uống đến mười bảy mười tám chén bồ đào mỹ tửu rồi.

Đan Thanh Sinh nhìn thấy mặt Hắc Bạch Tử càng lúc càng tái đi, liền nói:

- Đồng lão huynh, đây là Âu Huyết Phổ, không lẽ ngươi định để cho nhị ca ca ta nghĩ đến hộc máu ra ư? Đi một quân thì có gì đâu, sao không nói huých toẹt ra cho rồi?

Hường Vấn Thiên đáp:

- Được rồi, quân thứ sáu mươi bảy hạ xuống đây.

Nói rồi tại thượng bộ thất tứ y để một quân. Hắc Bạch Tử vỗ đùi một cái, kêu lên:

- Hay lắm, quân đó đi ở đây thật là tuyệt diệu.

Hường Vấn Thiên mỉm cười:

- Lưu Trọng Phủ đi nước đó quả là hay thiệt nhưng có chẳng cũng chỉ là diệu kỳ của bậc quốc thủ dưới nhân gian, so với Lư Sơn tiên mỗ thì

còn kém xa.

Hắc Bạch Tử vội hỏi:

- Thế nước cờ tiên của Lưu Sơn tiên mỗ đi như thế nào?

Hướng Vấn Thiên hỏi lại:

- Sao nhị trang chủ không thử nghĩ coi.

Hắc Bạch Tử nghĩ ngợi một lúc, xem ra thua chắc rồi, không cách gì lật ngược lại được, lắc đầu:

- Nếu là nước cờ tiên thì một kẻ phàm phu tục tử như ta làm sao nghĩ ra cho được? Đồng huynh không cần phải thách đố nữa.

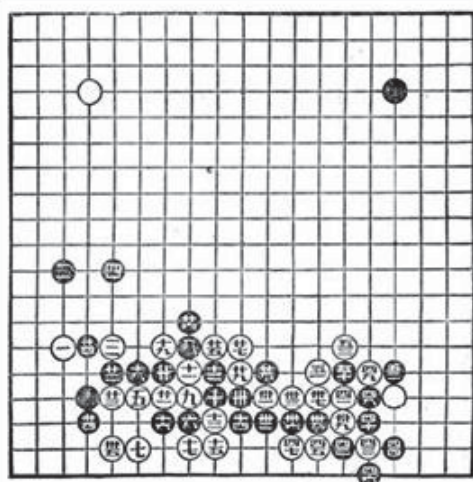
Hướng Vấn Thiên mỉm cười nói:

- Thần cơ diệu toán như nước này, quả là chỉ thần tiên mới nghĩ ra được.

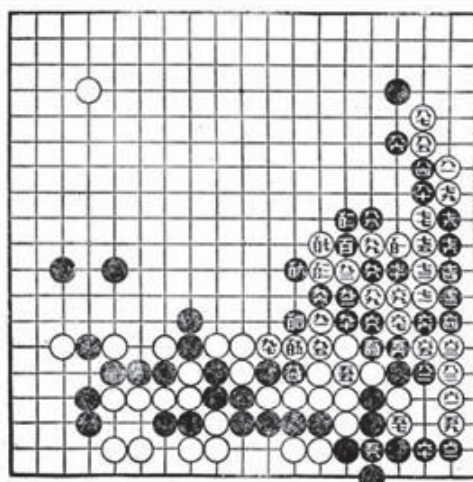
Hắc Bạch Tử là kẻ giỏi cờ, nên cũng đoán ngay được tâm ý đối phương, thấy Hướng Vấn Thiên không chịu bày bàn cờ một cách sáng khoái khiến cho kẻ si mê càng thêm ngứa ngáy, liệu chừng y có điều gì muốn cầu liền nói:

- Đồng huynh, người đem bàn cờ này nói cho ta nghe, ta chẳng ăn không của người đâu.

Kim Dung, Tiểu Ngạo Giang Hồ, chương 19 (bản dịch Nguyễn Duy Chính)



「嘔血譜」之一 (1—53)



「嘔血譜」之二 (54—107)



Kim Dung: *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, quyển 2, phụ bản 14, 15

KẾT LUẬN

Cờ vây là một trò chơi trí óc, cần suy nghĩ và tiềm tâm nghiên cứu, một thú chơi tao nhã cho mặc khách tao nhân, không phải cho giới bình dân. Theo nhận định của lãnh sự Anh Giles thì học đánh cờ là một đòi hỏi một khi người ta bước chân vào một nghề nghiệp văn chương (literary career). Jacques Gernet cũng nói rằng vào đời Tống đánh cờ là một trong ba môn (cờ, thư pháp và thi văn) dành riêng cho giới quý tộc^[32]. Muốn thành một cao thủ, người ta phải trau dồi lâu năm và cũng phải đam mê nồng nhiệt.

Nhiều sách vở cũng cho rằng đánh cờ là một cách trau dồi binh pháp và nhân cách lãnh đạo. Khẳng định đó đúng đến đâu thật khó mà có câu trả lời. Tuy nhiên không phải lúc nào đánh cờ cũng được coi là tao nhã. Nhiều nhà nho đã nhìn thấy cái hại của việc đam mê vi kỳ và đả kích tệ nạn này. Đời Tam Quốc đánh cờ lan rộng trong cung Đông Ngô đến nỗi Vi Diệu (韋曜) phải dâng một bài biểu nhan đề *Bác Dịch Luận* (博弈論)^[33] để đàn hặc trong đó có những câu:

Nếu để dùng trong chiến trận thì làm sao sánh được với Tôn Ngô, nếu nói về đạo nghệ thì chẳng thể nào bằng những người trong cửa Khổng. Còn nói về biến trá thì bỏ qua sự trung tín, nếu lấy chuyện chém giết làm trọng thì còn đâu lòng nhân từ.

求之於戰陣，則非孫吳之倫也。考之於道藝，則非孔氏之門也。以變詐為務，

則非忠信之事也。以劫殺為名，則非仁者之意也。

Cầu chi ư chiến trận, tắc phi Tôn Ngô chi luân dã. Khảo chi ư đạo nghệ, tắc phi Khổng thị chi môn dã. Dĩ biến trá vi vụ, tắc phi trung tín chi sự dã. Dĩ kiếp sát vi danh, tắc phi nhân giả chi ý dã.

Lịch sử đã chứng minh rằng thời kỳ thịnh vượng nhất của một triều đại, con người có nhiều cơ hội hưởng thụ và xa phí thì cũng lại là thời kỳ báo hiệu cho một suy vi và tiếp đến sẽ là loạn lạc, bị xâm lăng của những quốc gia khác. Dường như định luật đó vẫn còn tồn tại đến

ngày nay.

Trong thiên khảo luận này, chúng tôi có đính kèm hai bản kỳ phổ hiếm có, Lạn Kha Phổ và Âu Huyết Phổ để chư vị cao nhân tham khảo. Người viết hoàn toàn không biết gì về môn cờ vây nên không dám bình phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ân Vĩ (殷偉). *Trung Quốc Vĩ Kỳ Sử Diễn Nghĩa* (中國圍棋史演義) Văn Nam: Văn Nam Nhân Dân xuất bản xã, 2003.
2. Frederic V. Grunfield (ed.). *Games of the World*. New York: Holt, Rinehart and Winston, 1975.
3. Gernet, Jacques: *Daily Life in China on the Eve of the Mongol Invasion 1250-1276*. Calif: Stanford University Press, 1962. Bản dịch của George Allen sang tiếng Anh từ nguyên tác *La vie quotidienne en Chine à la veille de l'invasion mongole, 1250-1276* (Paris: Hachette, 1959).
4. Kim Dung (金庸): *Thiên Long Bát Bộ* (天龍八部) (5 cuốn) Viễn Ảnh xb sự nghiệp công ty, 1981.
5. Kim Dung (金庸): *Tiểu Ngạo Giang Hồ* (笑傲江湖) (4 cuốn) Hương Cảng: Minh Hà Xã, 1980.
6. Kim Dung (金庸): *Ỗ Thiên Đồ Long Ký* (倚天屠龍記) (4 cuốn). Hương Cảng: Minh Hà Xã, 1976.
7. *Đại Từ Điển Tiếng Việt*. Hà Nội: nxb Văn Hóa Thông Tin, 1998.
8. Đại Trúc Anh Hùng (大竹英雄): *Sơ Học Vĩ Kỳ Nhập Môn* (初學圍棋入門). Đài Nam: Tín Hoàn xb xã, 1990. Nguyên tác tiếng Nhật, bản Hán dịch của Tạ Vĩ Nhân (謝偉仁).
9. Sử Lương Chiêu (史良昭). *Bác Dịch Du hí Nhân Sinh* (博弈遊戲人生). Hongkong: Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1992.
10. Thiệu Văn Lương (邵文良). *Trung Quốc Cổ Đại Thể Dục* - 中國古代體育 (*Sports in Ancient China*) Bắc Kinh: Nhân Dân thể dục xuất bản xã, 1986.
11. Trần Ngọc Thuận, Đào Duy Đạt, Đào Phương Chi (dịch). *Lịch Sử Văn Hoá Trung Quốc* (2 tập). Hà Nội: nxb Văn Hoá - Thông Tin, 1999.

HẾT

[1] Chess is confined to the inhabitants of this earth, but Go somehow passes beyond our world. If on any planet there are rational beings, then they know Go. Frederic V. Grunfield (ed.), *Games of the World*,

(New York: Holt, Rinehart and Winston, 1975) tr. 42

[2] 堯造圍棋, 以教子丹朱 (Nghieu tạo vi kỳ, dĩ giáo tử Đan Châu) Ân Vi: *Trung Quốc Vi Kỳ Sử Diễn Nghĩa* (Vân Nam: Vân Nam nhân dân xb xã, 2003) tr. 1

[3] Edward Falkener, *Games Ancient and Oriental and How to Play Them* (New York: Dover Publications, Inc., 1961) (reprinted of 1892 edition) tr. 239 - 240

[4] Thiệu Văn Lương, *Trung Quốc Cổ Đại Thể Dục* (*Sports in Ancient China*) (Bắc Kinh: Nhân Dân thể dục xuất bản xã, 1986) tr. 170-1

[5] chữ *ngạc* này một bên bộ chuy 隹 nhưng chúng tôi không có nên tạm thay bằng bộ ấp 𠂔

[6] Từ Hải, *Đài Loan thư cục* 1974, Vol. 2 tr. 3104

[7] 桃榔 *arenga saccharifera*, tiếng Việt gọi là cây đoác hay đoát, còn gọi là báng, một loại cây trụ lùn mọc ở vùng trung du nước ta (*Đại Từ Điển Tiếng Việt* (Hà Nội: nxb Văn hóa Thông tin, 1998) tr. 99

[8] 楸 *Chinese catalpa* hay *mallotus japonicus*, thuộc họ nhà ruối, cao chừng 10 mét, gỗ sần chắc.

[9] Đại Trúc Anh Hùng (大竹英雄), *Sơ Học Vi Kỳ Nhập Môn* (初學圍棋入門) (Đài Nam: Tín Hoàn xb xã, 1990) tr. 29.

[10] (勝者終年有福, 負者終年疾病) thắng giả chung niên hữu phúc, phụ giả chung niên tật bệnh.

[11] Cục tất phương chính, tượng địa tắc dã. Đạo tất chính trực, thần minh đức dã. Kỳ hữu hắc bạch, âm dương phân dã. Biền la liệt

bố, hiệu thiên văn dã. (局必方正, 象地則也. 道必正直, 神明德也. 棋有黑白,

陰陽分也. 駢羅列 效天文也)

[12] Thượng hữu thiên địa chi tượng, thứ hữu đế vương chi trị, trung hữu ngũ bá chi quyền, hạ hữu chiến quốc chi sự (上有天地之象, 次有帝王之治, 中有五霸之權, 下有戰國之事)

[13] Lược quan vi kỳ, pháp ư dụng binh. Tam xích chi cuộc, vi chiến đấu trường. (略觀圍棋, 法於用兵. 三尺之局, 為戰鬥場)

[14] *Lịch Sử Văn Hoá Trung Quốc*, tập II, (Hà Nội: nxb VH-TT, 1999) tr. 609

[15] 忘憂清樂在枰棋

[16] Tống đây là Lưu Tống (Nam Triều) kéo dài từ 420 đến 479 chứ không phải nhà Tống sau này.

[17] Kháng thủ thế, Xích Tùng đấu tử (抗取勢赤松鬥子)

[18] 江南棋客劉仲甫奉饒天下棋先

[19] Viễn bất khả thái sơ, sơ tắc dị đoạn; cận bất khả thái xúc; xúc tắc thế luy (遠不可太疏, 疏則易斷; 近不可太促, 促則勢羸)

[20] tất sử ứng viện tương tiếp, câu lạc tương liên; bỉ lộ bất đắc bất xúc, bỉ thế bất đắc bất luy (必使應援相接, 勾落相連; 彼路不得不促, 彼勢不得不羸)

[21] 以實擊虛, 以逸待勞

[22] tự Ảnh Viễn (影遠)

[23] như thiên tiên hoá nhân, tuyệt vô trần tưởng (如天仙化人, 絕無塵想)

[24] Trị quốc dự chi ư dịch, tri kỳ dụng nhi trí kỳ xứ giả thắng, bất tri kỳ dụng nhi trí phi kỳ xứ giả bại. (治國譽之於弈, 知其用而置得其

處者勝。不知其用而置非其處者敗)

[25] vũ trụ tiện thị ngô tâm, ngô tâm tức thị vũ trụ
(宇宙便是吳心, 吳心即是宇宙)

[26] Phương như hành nghĩa, viên như dụng trí, động như sính tài, tĩnh như toại ý (方如行義, 圓如用智, 動如逞才, 靜如遂意)

[27] thí quan nhất thập cửu hàng, thắng độc nhị thập nhất sử (Kỳ Phú)

(試觀一十九行, 勝讀二十一史) (棋賦)

[28] Đại Trúc Anh Hùng (大竹英雄) sđd. tr. 127

[29] Như hà nhất cục thành thiên tải? Ứng thị tiên ông hạ tử trì.
(如何一局成千載? 應是仙翁下子遲)

[30] Phủ trường kiếm, nhất dương mi

Thanh thủy bạch thạch hà ly ly

撫長劍, 一揚眉

清水白石何離離

(Lý Bạch – Phú phong hào sĩ ca)

[31] 嘔血譜

[32] Jacques Gernet: *Daily Life in China on the Eve of the Mongol Invasion 1250-1276* (Calif: Stanford University Press, 1962) tr. 152

[33] Luận về cò bạc